

Ngày 10 tháng 05 năm 2005

Hơn ba mươi năm đã trôi qua, tóc trên đầu chúng tôi đã bạc trắng, nhưng mỗi lần gặp lại nhau những cựu chiến binh của tiểu đoàn 5 (trung đoàn 57) vẫn nhắc đến anh và cùng day dứt một điều: Sao ngày ấy không hỏi tên anh, đơn vị của anh để bây giờ khỏi phải ân hận? Tôi mạn phép anh để được kể về chiến công của anh ngày ấy.

Đó là một đêm mùa hè năm 1966. Trời sáng trắng mờ mờ. Chiếc AN2 của ta (loại máy bay 4 cánh vẫn gọi là máy bay bà giá) sẵn tìm tàu biệt kích địch ngoài khơi Thanh Hóa. Khoảng hai giờ sáng, phát hiện hai tàu biệt kích địch ngoài khơi Sầm Sơn 10km. Chiếc AN2 lao vào tấn công và ngay từ loạt rốc-ket đầu tiên đã bắn chìm một chiếc. Chiếc còn lại dùng súng máy chống trả quyết liệt. Cuối cùng máy bay ta đã bắn chìm luôn chiếc thứ hai, nhưng trong một loạt đạn địch chống trả, chiếc AN2 của ta trúng đạn, liền vòng vào phía bờ và hạ dần độ cao, rồi hạ cánh xuống bãi biển thuộc xã Quảng Vinh (huyện Quảng Xương). Trên bãi cát có hai chiếc mạng đánh cá, thế mà người phi công đã lách lách qua được. Máy bay đổ an toàn. Tôi cùng anh em trong đơn vị và dân quân địa phương trên trận địa trực chiến ngay từ đầu đã hồi hộp theo dõi, lo đến thót tim cuộc đấu súng trên không và trên biển đó.

Cửa máy bay mở. Ba chiến sĩ điện đài và nhân viên kỹ thuật xuống trước, anh phi công thì máu me đầy mặt xuống sau cùng. Chúng tôi chạy ủa ra ôm lấy anh xúc động đến trào nước mắt! Rồi chúng tôi đẩy máy bay vào bãi phi lao, nguy trang cẩn thận. Anh phi công liền được quân y đơn vị chúng tôi băng bó vết thương. Hai hôm sau vết thương của anh phi công đã đỡ. Máy bay đã sửa chữa xong. Anh phi công chào tạm biệt mọi người, máy bay lại cất cánh. Khi chiếc AN2 nhỏ bé ấy đi rồi, chúng tôi mới sực nhớ không hỏi tên, đơn vị của anh. Cảnh lính trẻ chúng tôi ngày ấy sống đơn giản, vô tâm quà, sau đó chỉ biết tự trách mình. Tôi ân hận mãi đến tận bây giờ. Anh phi công lái chiếc AN2 ngày ấy ơi, bây giờ anh ở đâu? Chúng ta đã già rồi, nếu được gặp nhau - dù là một lần cuối - cũng thật là sung sướng và mãn nguyện biết bao!

Điểm huyết trận địa pháo Hòn Chùa

Ngày 07 tháng 05 năm 2005

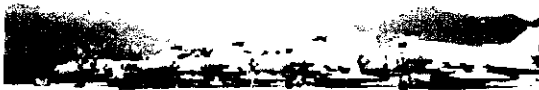
Năm 1971, trận địa pháo Hòn Chùa (xã Xuân Lộc, Sông Cầu, Phú Yên) là một căn cứ quân sự khá vững chắc do quân Mỹ tổ chức nhằm bảo vệ và hỗ trợ sư đoàn Mạnh Hổ trong các cuộc hành quân. Việc tập kích tiêu diệt trận địa pháo này sẽ làm cho sư đoàn Mạnh Hổ mất chỗ dựa về hỏa lực, đồng thời gây hoang mang cho quân địch trên địa bàn Phú Yên. Xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng, Quân khu 5 đã giao cho đại đội 4 đặc công thuộc tiểu đoàn 405 thực hiện.

Trận địa pháo Hòn Chùa có khoảng 200 lính bộ binh Mỹ và lính đánh thuê cùng với 7 khẩu pháo hạng nặng từ 105 đến 175mm. Xung quanh trận địa được bố trí nhiều lớp rào kẽm gai xen lẫn mìn chiếu sáng, mìn sát thương các loại. Để bảo đảm cho trận tập kích thắng lợi, các mũi chiến đấu của đại đội 4 đã tổ chức trinh sát trận địa pháo của địch nhiều lần. Sau khi trinh sát xong đại đội quyết định dùng phương pháp mật tập để tiêu diệt. 7 giờ sáng ngày 1-12-1971, lực lượng chiến đấu của đại đội 4 chia thành 5 bộ phận bao gồm 3 mũi và một tổ giương công, một tổ độc lập bắt đầu hành quân đến nơi tập kết. Từ 16 giờ đến 24 giờ ngày 3-12, các mũi tiến hành khắc phục vật cản, áp sát các mục tiêu chờ lệnh nổ súng. Đúng 24 giờ, hai quả bộc phá phát nổ tại khu vực nhà lính đồng thời cũng là tín hiệu của cuộc tấn công. Chỉ sau 20 phút chiến đấu, toàn bộ 7 khẩu pháo của địch trong trận địa đã bị phá hủy. Các mũi tiếp tục phát triển chiến đấu diệt địch trong căn cứ, phá hủy khu vực hậu cần kỹ thuật. Đến 24 giờ 50 phút, các bộ phận được lệnh lui quân. Mỗi khi bộ đội ta rút hết qua đường 1, thì hai xe tăng của địch mới kịp đến chi viện và bắn vung vãi về hướng đường số 1. Trận này ta tiêu diệt 120 tên địch, phá hỏng toàn bộ trận địa pháo của địch tại Hòn Chùa, bắn cháy 4 xe quân sự, phá kho xăng 4.000 lít, đánh sập 23 căn nhà. Phía ta chỉ có 2 đồng chí bị bỏng xăng nhẹ.

Tập kích trận địa pháo Hòn Chùa là trận chiến đấu đạt hiệu suất cao của bộ đội đặc công Quân khu 5. Chọn đúng nơi sơ hở mỏng yếu của địch để tổ chức tiến công chính là chiếc chìa khóa thành công của trận đánh. Ngoài ra, việc huấn luyện cho bộ đội thành thực phương pháp đánh mật tập, bảo đảm tốt việc giữ gìn bí mật khi tiếp cận mục tiêu cho tận đến giờ nổ súng cũng là yếu tố bảo đảm chắc thắng cho trận đánh.

Bay trong nắng tháng 5

Ngày 16 tháng 05 năm 2005



Buổi làm công tác bảo dưỡng kỹ thuật máy bay ở đoàn C37

Đầu mùa mưa nhưng tất cả các sân bay của đoàn không quân B.70 vẫn nóng như những chiếc chảo rang. Có ngày nhiệt độ trên mặt đường băng sân bay Thành Sơn nóng đến 50 độ C. Con người và máy bay, khí tài chìm ngập trong hơi nóng ngùn ngụt bốc lên từ mặt đất. Tuy vậy, đại tá-Đoàn trưởng Võ Văn Tuấn lại nói: "Trời phù hộ cho chúng tôi đây. Bay trong điều kiện trời quang, mây tạnh như thế này mới đẩy nhanh được tiến độ và hoàn thiện nhiều khoa mục huấn luyện đã đề ra".

Thượng tá Nguyễn Văn Thiện-Chỉ

huy trưởng đơn vị C.35 nói:

- Chúng tôi bay mỗi tuần trung bình là 3 ban (2 ban ngày, một ban đêm), mỗi ban vài chục chuyến. Phải gắng như vậy mới hoàn thành kế hoạch bay của sáu tháng đầu năm và nâng cao trình độ lái, trình độ chỉ huy bay cho phi công, cũng như nâng cao khả năng phục vụ, chỉ huy khác.

Ba đơn vị bay Anh hùng của đoàn là C.17, C.35 và C.37 đều thi đua lập nhiều thành tích nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh Bác Hồ và 30 năm thành lập của mình vào ngày 21-5.

Là "sản phẩm" sau thắng lợi vĩ đại của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, các đơn vị bay của đoàn B.70 đều mang trong mình khí thế "Thần tốc-táo bạo", với quyết tâm làm chủ vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật để bảo vệ vững chắc bầu trời. Bước vào mùa bay năm nay, thời tiết nơi nào cũng nóng. Sân bay Thành Sơn như một cái chảo lửa nhưng tiến độ bay ở đây lại vùn vụt như những cơn gió. Thượng tá, chỉ huy trưởng Trần Ngọc ông nói vui: "Nhiều khi anh em ham bay, cả tháng không về thăm vợ ở Sài Gòn được một lần. Chúng tôi nghĩ, khi thời tiết tốt, máy bay khí tài sẵn sàng, cứ tranh thủ bay đã, rồi về "ninh" vợ con sau vậy". Anh em phi công ham bay, làm cho cánh thợ máy, nhân viên phục vụ mặt đất cũng bị hút theo. Hầu như ngày nào họ cũng phải "tắm" nắng đường băng ít nhất là 12 tiếng đồng hồ. Những ngày bay, đội ngũ kỹ thuật, phục vụ phải ra sân bay từ lúc 4 giờ sáng. Và những bữa cơm chóng vánh ngay tại sân đậu đã trở thành thói quen của những người chấp cánh cho đồng đội bay lên bầu trời. Thượng tá Nguyễn Văn Đâm-Chủ nhiệm kỹ thuật đoàn 370 ví von: "Chúng tôi phục vụ bay còn bận bịu hơn cả khi chăm sóc vợ đẻ". Sáu tháng đầu năm 2005, hàng chục khoa mục bay từ đơn giản đến phức tạp đã cuốn tất cả cán bộ, chiến sĩ của đơn vị C.37 ra sân bay. Hào hứng hơn cả vẫn là những cánh bay trẻ. Ai cũng muốn khẳng định mình trong từng khoa mục huấn luyện, nhất là khoa mục tập ngắm bắn đối với các mục tiêu mặt đất, chặn kích, bay phức tạp. Những năm trước, kết quả sử dụng vũ khí chưa thực sự làm hài lòng mọi người, vì vậy năm nay đơn vị quyết tâm đạt kết quả cao hơn. Đúng như điều mong đợi, trong đợt sử dụng vũ khí thật ở trường bia TB3 tháng tư vừa qua, C.37 đã thu được một thành tích đáng phấn khởi: 100% số phi công tham gia bắn đều đạt yêu cầu, trong đó có trên 80% đạt loại khá, giỏi.

Với đơn vị bay C.35, khí thế bay ở đây lại mang hương sắc của màu hoa điều

vàng bên dòng sông Đồng Nai thơ mộng. Đây là nơi tập trung nhiều kiểu loại máy bay hiện đại nên tổ chức các ban bay rất phức tạp. Cùng một lúc phải có nhiều chỉ huy bay, nhiều kiểu loại xe máy và khí tài phục vụ. Điều mừng nhất của đơn vị là số cán bộ, chiến sỹ kèm theo các loại máy bay, khí tài mới chuyển về căn cứ, đã thích nghi với điều kiện ăn ở, sinh hoạt, huấn luyện và SSCĐ tốt. Hơn 10 phi công đã hoàn thành chương trình chuyển loại máy bay, số giờ bay của đơn vị cũng hoàn thành gần 45% kế hoạch bay của cả năm. Thượng tá Nguyễn Văn Phương-chỉ huy phó về huấn luyện nói:

- Chúng tôi luôn coi trọng phương châm huấn luyện vững chắc, an toàn và hiệu quả. Từ đội ngũ phi công đến các thành phần chỉ huy và phục vụ mặt đất đều cố gắng hết mình, chuẩn bị chu đáo cho từng ban bay, từng chuyến bay và giảng bình nghiêm túc. Tất cả vì những chuyến bay an toàn, thắng lợi.

Về đơn vị không quân C.17 (đoàn Đồng Tháp) 2 lần anh hùng, khí thế bay tháng 5 của đoàn bay trực thăng cũng không thua kém các đơn vị bay phản lực. Đơn vị đã hoàn thành gần 50% kế hoạch bay của cả năm. Cũng như những năm trước, kết quả sử dụng vũ khí thật lần 1 của năm 2005 ở đoàn Đồng Tháp đã đạt 100% khả, giỏi, trong đó có hơn 60% đạt loại giỏi. Tháng 3 vừa qua, họ đã hoàn thành xuất sắc đợt huấn luyện tập hạ cánh trên nhà dân DK.1 phía Tây Bắc của tỉnh Cà Mau. Hầu như mọi tổ bay của đoàn Đồng Tháp đều là những tay "lái lưa". Dù là nhiệm vụ bay huấn luyện, tìm kiếm cấp cứu hay thực hiện các chuyến bay chuyên cơ đặc biệt, các anh đều hoàn thành xuất sắc. Thượng tá-chỉ huy trưởng Nguyễn Văn Thân kể với tôi: "Tháng 5 này đối với chúng tôi có ý nghĩa rất đặc biệt. Toàn đơn vị không chỉ thi đua lập nhiều thành tích xuất sắc, mừng kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch và 30 năm ngày thành lập đơn vị mà còn vui mừng khi được đón nhận huân chương chiến công hạng Nhì do Đảng và Nhà nước trao tặng".

Nắng tháng 5, tôi như được hoà mình với mùa bay rộn rã của đoàn không quân B.70. Những đồng đội của tôi đang "dệt" vào bầu trời những đường bay tuyệt đẹp. Đó là những bức tranh sinh động, đầy màu sắc của tuổi 30 tràn đầy nhựa sống và sức vươn của một đơn vị không quân hiện đại và hùng mạnh của Quân đội ta.

Hai đòn hiểm của chiến tranh du kích

11 giờ, ngày 05 tháng 05 năm 2005

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những cuộc chiến đấu của lực lượng du kích Việt Nam đã đem lại kết quả hữu hiệu. Chiến tranh du kích (chiến tranh nhân dân) đã thực sự trở thành một bộ phận đặc biệt quan trọng trong nghệ thuật đánh giặc của Việt Nam. Chính việc tác chiến bằng lực lượng du kích về tầm chiến lược đã góp phần làm thay đổi thế trận, thay đổi cán cân so sánh lực lượng giữa ta và địch. Ở tầm chiến thuật nó làm cho quân địch luôn rơi vào thế bị động, hoang mang dao động trong tác chiến và thực sự hao tổn sinh lực ngay cả khi "án binh bất động". Tính hiệu quả của chiến tranh du kích được thể hiện cụ thể ở hai khía cạnh, đó là thế trận chiến tranh và phương pháp tác chiến.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chúng ta đều phải trải qua những năm đầu hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiêu hao, kìm chân và phân tán lực lượng địch, vừa phát triển lực lượng tại chỗ, vừa xây dựng và rèn luyện các đơn vị chủ lực. Thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng được củng cố và phát triển, hình thành thế bao vây chia cắt, đánh cái xen kẽ với địch và tiến công quân địch ở từng chiến trường cũng như trên địa bàn cả nước. Thế trận này đã thực sự làm quân địch bị sa lầy trên chiến trường, buộc chúng phải rơi vào thế phòng ngự bị động. Chính vì vậy ta có điều kiện để mở các chiến dịch then chốt trên các hướng chiến lược trọng yếu. Trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn năm 1953-1954, quân Pháp đang nắm trong tay hàng chục binh đoàn cơ động, chốt giữ những khu vực trọng yếu trên chiến trường Đông Dương. Nếu cứ đúng theo kế hoạch và sự tính toán của Na-va, thì khối binh đoàn cơ động chủ lực của y có thể đè bẹp bất kỳ sự kháng cự nào của bộ đội chủ lực Việt Nam. Thế nhưng với sự chỉ đạo sáng tạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến tranh du kích đã được đẩy mạnh khắp nơi, khiến khối binh đoàn cơ động chủ lực của Na-va đã phải chia năm, xẻ bảy và không còn khả năng tập trung như dự định. Thế trận đó đã buộc quân Pháp không thể dồn binh lực, hòa lực vào Điện Biên Phủ và đã phải chịu thất bại cay đắng.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trình độ nghệ thuật tổ chức chiến tranh du kích đã có những bước phát triển nhảy vọt. Trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, với thế trận phân tuyến, Mỹ có 36 vạn quân, nhưng đã tập trung được tới gần 34 vạn ra tiền tuyến, chỉ có hơn 2 vạn quân Mỹ làm nhiệm vụ chốt giữ hậu phương. Còn trong chiến tranh Việt Nam, vào mùa khô năm 1967, Mỹ có tới hơn 50 vạn quân, nhưng chỉ có thể tập trung không quá 5 vạn quân (chiếm chưa đầy 9% so với tổng quân số) vào các đơn tiến công chiến lược hòng "tiêu diệt quân giải phóng". Sở dĩ như vậy là do lực lượng du kích của ta đã tổ chức hàng nghìn cuộc tiến công, tuy không lớn nhưng lại cực kỳ hiểm hóc trên khắp cả ba vùng chiến lược, khiến lực lượng chủ lực của Mỹ lúc nào cũng phải căng ra để giữ hậu phương. Trong khi đó quân Mỹ mở rộng vị trí chiếm đóng đến đâu thì ở đó ta hình thành vành đai diệt Mỹ. Địch luôn bị sa lầy trong thế trận xen kẽ. Lực lượng của ta có mặt ở khắp nơi, cả ở phía trước, phía sau sau lưng địch. Địch không thể thực hiện thế bố trí lực lượng theo chiến tuyến như trong chiến tranh quy ước. Ngay cả ý định tập trung quân để phản công, chúng cũng không thực hiện được mà buộc phải chuyển sang phân tán, lui về phòng ngự để đối phó. Chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân địa phương đã tạo điều kiện cho ta có thể tập trung được gần 100% lực lượng chủ lực để đánh địch, ngược lại đã làm phân tán tới 80% lực lượng chủ lực của địch. Sự bị động về thế trận tất dẫn đến sự phá sản về kế hoạch tác chiến chiến lược và thất bại dường như đã hiển hiện rõ nét ở phía địch.

Đi cùng với sự phát triển của thế trận, các hình thức, phương pháp tác chiến của

chiến tranh du kích cũng không ngừng phát triển hết sức linh hoạt, sáng tạo. Đó là sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Về mặt quân sự, hình thức chiến thuật chủ yếu được vận dụng để đánh địch là tập kích và phục kích, tức là lấy đánh địch ngoài công sự làm chủ yếu. Các trận tập kích, phục kích của bộ đội địa phương, dân quân du kích được tiến hành rộng rãi trên khắp các địa bàn. Lối đánh rộng khắp, thường xuyên, liên tục đã thực sự phát huy được khả năng đánh địch của mọi người dân, thực hiện được phương châm toàn dân đánh giặc, đồng thời tạo ra thế uy hiếp địch ở khắp mọi nơi, mọi lúc. Quy mô đánh địch được thực hiện từ từng người cho đến nhiều phân đội, có đánh địch bằng vũ khí tự tạo, đánh bằng vũ khí được trang bị, đánh địch bằng cả mưu mẹo, chính trị, binh vận. Những hình thức tác chiến đó đã khiến quân địch liên tục bị hao tổn về binh lực, bị động về thế trận, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực của ta tập trung lực lượng mở các chiến dịch chủ yếu mang tính quyết định.

Hiện nay chiến tranh nhân dân trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vẫn được Đảng và Nhà nước ta coi trọng. Những kinh nghiệm và lý luận về chiến tranh nhân dân không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, ngày càng đáp ứng yêu cầu về xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Chiến sĩ tình báo H3 trong bộ tổng tham mưu ngụy

Ngày 25 tháng 04 năm 2005

Tháng 4-1975, lúc đang là nhân viên trong văn phòng Tổng tham mưu trường (TTMT) ngụy, ông Nguyễn Văn Minh (Ba Minh) nhận được chỉ thị của cấp trên: "Nếu quân ta đánh vào Sài Gòn, địch rút chạy về miền Tây, thì H3 (bí số của ông) đưa cả gia đình chạy theo địch để giữ bí mật và sẽ được tổ chức bắt liên lạc sau. Nếu quân ta vây chặt hơn, địch bỏ chạy tán loạn thì H3 có nhiệm vụ bảo vệ tài liệu, máy móc ở cơ quan văn phòng TTMT đợi Quân giải phóng vào bàn giao, không để mất mát, hư hỏng". Khi Sài Gòn vỡ òa trong niềm vui chiến thắng, ông đã động viên binh lính ở văn phòng TTMT khóa cửa kho tàng, phóng lưu trữ hồ sơ, đến chiều tối ngày 30-4-1975, bàn giao cho sư đoàn 10 bộ binh an toàn.

Ba Minh là một chiến sĩ tình báo hơn 20 năm hoạt động bí mật trong lòng địch, trong đó có 10 năm ở ngay trong BTTM của chúng. Sinh ra trong một gia đình thợ thủ công tại ấp Châu Phú, xã Tam Bình, huyện Thủ Đức, Sài Gòn năm 1933, nhưng quê gốc của ông lại ở ven sông Hồng-Hưng Yên. Tuổi trẻ, ông được sống trong khí thế sục sôi hào hùng của những ngày Nam bộ kháng chiến, cha và anh ruột đều tham gia chồng Pháp. Lúc tròn 20 tuổi, Nguyễn Văn Minh tham gia phong trào công nhân hoạt động trong Mặt trận Liên Việt tại Sài Gòn. Năm 1959, ông được Đảng ủy quận Thủ Đức phái vào quân đội ngụy, bí mật làm công tác binh vận. Cuối năm 1963, Ngô Đình Diệm đảo chính, ông được bố trí làm văn thư cho tướng Nguyễn Hữu Cáo. Khi Nguyễn Cao Kỳ lật Nguyễn Hữu Cáo, đưa Cao Văn Viên lên làm TTMT, ông được Cao Văn Viên tin dùng và trở thành một trong bốn nhân viên văn thư bảo mật thuộc văn phòng riêng của hắn. Hàng ngày, ông có nhiệm vụ tiếp nhận công văn, lưu trữ tài liệu, gửi công văn giao dịch giữa TTMT với các cơ quan BQP, BTTM, các quân khu, binh chủng, đơn vị trực thuộc bộ của ngụy, kể cả Phủ tổng thống, Cơ quan phái bộ quân sự Mỹ...

Thời gian trước năm 1973, những tin tức thu thập được, ông cung cấp cho đơn vị bộ đội địa phương là quận đội Thủ Đức và Khu ủy 9, qua đó những đơn vị này đã nắm được nhiều động thái của địch và những hoạt động quân sự trên địa bàn tác chiến. Sau Hiệp định Pa-ri 1973, chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ được phát triển trong một tình hình mới. Phóng tình báo J22 đã giao nhiệm vụ cho Ban tình báo Khu 9 tổ chức lực lượng, thu thập tin tức từ trong cơ quan quân sự cao cấp nhất của địch. Bà Hai Kim được giao nhiệm vụ móc nối với điệp viên mang bí số H3. Bà kể: "Biết được H3 có người chị dâu đang làm y sĩ tại khu ủy 9, con trai cả cũng đã được gửi ra học ở vùng giải phóng, theo kế hoạch tôi đi gặp cô Nguyệt là em gái của H3. Sau đó, ngày mùng 2 Tết, cô Nguyệt bố trí cho tôi gặp H3 tại nhà riêng của mình... Chúng tôi đã thống nhất được với nhau về phương án thu thập tin tức".

Tin đầu tiên Ba Minh báo cáo cho bà Hai Kim là việc Nha liên lạc thuộc phóng 2-BTTM ngụy đang đào tạo để phái một số toán biệt kích ra phá hoại miền Bắc và đã phải được một toán trót lọt; ngoài ra còn một số tình hình phóng 2 địch báo cáo trong giao ban BTTM ngụy. Ông được chỉ đạo lấy cho được các tin về kế hoạch quân sự hàng năm, kế hoạch quân sự vùng 4 chiến thuật, âm mưu của Mỹ-ngụy; tình hình quân số, trang bị của địch... Ba Minh ngày đêm vui đầu nghiên cứu số tài liệu đồ sộ, hàng ngày phải xem khoảng 300 tài liệu đi và đến, chọn lọc gửi đi các nơi và tìm cách lấy được những bí mật trong đó. Tháng 3-1974, ông đã cung cấp kế hoạch quân sự vùng 4 (kế hoạch Lý Thường Kiệt). Đây là kế hoạch quân sự hàng năm sau khi Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết. Kế hoạch này dựa trên công thức viện trợ + vũ khí, trang bị Mỹ + quân đội ngụy.

Tháng 4-1974, ông bổ sung về hoạt động của các đơn vị dự bị chiến lược dù, thủy

quân lực chiến, biệt động quân, không quân và bảo cáo tóm tắt kế hoạch quân sự toàn miền Nam. Những tin tức ông cung cấp đã phục vụ cho Quân ủy giải đáp một loạt các vấn đề chiến lược quan trọng trong một thời điểm then chốt. Sau khi ta đánh chiếm Phước Long, Bộ chỉ huy cần biết Mỹ sẽ phản ứng ra sao? H3 bảo tin: Điện của Cao Văn Viên xin Mỹ can thiệp, Mỹ trả lời không đồng ý dùng B52 hay bộ binh để tái chiếm Phước Long. Tin của ông đã góp phần giúp trên chủ động có những đối sách đúng đắn để tổ chức lực lượng tác chiến giành thắng lợi trên chiến trường.

Việc thu thập tin tức của ông Minh trong BTTM hết sức khó khăn, nguy hiểm. Khối lượng tin cấp trên yêu cầu ngày càng nhiều, hàng ngày ông phải vật lộn với hàng đống tài liệu. Đêm đêm, ông che kín các cửa, ngồi chép từng dòng đến sáng. Những đêm có phiên trực, chép không xuể, lấy lý do sức yếu ở lại văn phòng cho yên tĩnh, ông nhận trực thay cho người khác để chép được nhiều tin; có lúc tình hình cấp bách, ông phải mang cả tài liệu về nhà để chép. Cứ như thế, Ba Minh cặm cụi một mình, thức trắng nhiều đêm dưới ánh đèn yếu ớt, trong căn phòng ngột ngạt. Biết ông ghi chép cực nhọc, tổ chức có ý định trang bị cho ông một chiếc máy ảnh để chụp tài liệu, nhưng ông thấy không nên, vì đèn máy ảnh chớp sáng, địch dễ phát hiện.

Để được dịch tin dùng và tránh sự dòm ngó của đồng sự, Ba Minh làm việc chăm chỉ, khoa học, giao tiếp thân thiện với mọi người. Đối với Cao Văn Viên, Ba Minh cũng được hẳn cảm tình hơn những người khác. Ông là hạ sĩ quan duy nhất được vào phòng TTMT mà không cần phải xin phép trước... Là người hay đau yếu, có lúc phải đi viện hàng tháng trời. Lúc nhiều tin tức, ông phải gồng mình lên để chép những con chữ li ti, và được chép trên những tờ giấy mỏng để dễ cất giấu, vận chuyển. Khi cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn giằng co quyết liệt, Ba Minh đã kịp thời cung cấp những tin tức về chủ trương mới của quân nguy, theo dõi diễn biến toàn miền, tin địch nhận định về ta, chủ trương đối phó của chúng; việc bố trí quân lực giữa các quân khu; việc sử dụng lực lượng tổng trừ bị, thủy quân lực chiến, biệt động quân, không quân; việc địch bố trí lực lượng lớn của ta và những kế hoạch đánh phá ta; những khó khăn của địch... Nhận xét về những việc làm của ông Ba Minh, ông Ba Lực, cụm trưởng cụm tình báo của ông nói: "... Tôi biết, tin tức của ông Ba Minh là những tin tức cực kỳ quan trọng, có tầm chiến lược, giải quyết được những vấn đề cấp bách của cuộc chiến tranh..."

Mùa xuân năm 1975, khi Bộ Chính trị chủ trương tấn công giải phóng miền Nam, một câu hỏi lớn được đặt ra: "Nếu ta đánh vào Sài Gòn, Mỹ có trực tiếp tham chiến trở lại hay không?". Để giải đáp câu hỏi đó, ông Minh đã kịp gửi ra một thông báo của Mỹ gửi BTTM nguy: "Mỹ coi chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc. Mỹ sẽ không chi viện cho quân nguy lực lượng chiến đấu của Mỹ". Câu trả lời đã rõ. Tin của ông kết hợp các nguồn tin khác đã làm tăng thêm quyết tâm tiến công của quân và dân ta nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Về phương hướng phát triển lực lượng nguy, ông cũng báo cáo tài liệu của Mỹ về "Mối tương quan viện trợ Mỹ và lực lượng quân sự" - có mấy trăm triệu thì có bấy nhiêu vạn lính nguy; mối tương quan giữa viện trợ Mỹ và mức độ sử dụng bom đạn, phi vụ và sự vận động của xe tăng, tàu chiến; phạm vi lãnh thổ bảo vệ... Cho đến ngày cuối cùng giải phóng Sài Gòn, nguồn tin của ông vẫn còn giá trị.

Những ngày này, Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh đang náo nức chuẩn bị kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng lịch sử. Có một người đàn ông gầy gầy, nhỏ bé, với đôi mắt không còn tinh tường qua những đêm thức trắng cùng những dòng tin tuyệt mật 30 năm trước, trong lòng rộn lên niềm cảm xúc về một mùa xuân thanh bình: Ông là đại tá anh hùng tình báo Nguyễn Văn Minh.

Đời thường tướng lĩnh: Anh hùng...“mắc nợ”!

Ngày 10 tháng 05 năm 2005

Thiếu tướng Lê Xuân Tấu, Anh hùng LLVT nhân dân, Tư lệnh Binh chủng Tăng-Thiết giáp hiện nay, nguyên là học viên Đoàn 10 (sau đổi thành Đoàn T.600), tiền thân của Trường sĩ quan Tăng-Thiết giáp bây giờ.

Sau những chiến công xuất sắc ở Làng Vây (năm 1968), Đông Hà-Cửa Việt (năm 1969), Đường 9-Nam Lào (năm 1970)... đồng chí Lê Xuân Tấu được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân. Lúc đó anh là tiểu đoàn phó, tham mưu trưởng tiểu đoàn 198 thuộc trung đoàn xe tăng 202 anh hùng. Ngày được tuyên dương anh hùng, Lê Xuân Tấu đang cùng đơn vị chiến đấu ở mặt trận phía nam Quảng Trị. Lê Xuân Tấu còn nhớ rất rõ, hôm đó là ngày 25-5-1972, vì đã được trung đoàn điện thông báo trước nên đúng 18 giờ anh vào hầm chỉ huy mở đài Tiếng nói Việt Nam nghe bản tin thời sự. Do điều kiện lịch sử lúc đó nên trong quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân cho đồng chí Lê Xuân Tấu, phần quê quán ghi ông là “người con của quê hương Quảng Trị”. Đêm ấy, tiểu đoàn 198 xuất quân đánh trận Tân Điền (gần cầu Mỹ Chánh-Quảng Trị) và thắng lợi giòn giã. Anh em cơ quan tiểu đoàn bộ nói với nhau rằng đây là trận đánh ăn mừng tiểu đoàn phó Lê Xuân Tấu được tuyên dương Anh hùng LLVT nhân dân.

Tháng 8 năm ấy (1972) tiểu đoàn phó Lê Xuân Tấu được lệnh trở ra miền Bắc học tập tiếp tục nâng cao trình độ. Trở lại đoàn T.600, ông được gặp lại rất nhiều bạn bè, đồng đội thân thiết. Hôm đầu hội ngộ, ai cũng phần khởi chúc mừng ông được tuyên dương Anh hùng và đôi ông phải... khao! Thật tình lúc ấy ông chẳng còn đồng xu nào vì mới hôm trước được bao nhiêu tiền dành dụm bấy lâu ông đã gửi về biếu bà chị dâu mua áo quần, sách vở cho các cháu. Xin nói thêm là ông mồ côi cha mẹ, nhà chỉ có hai anh em thì người anh đang chiến đấu ở Tây Nguyên. Bí quá, ông tuế tóa: “Cái cậu Lê Xuân Tấu nào đó được phong anh hùng, theo đài thông báo thì là người Quảng Trị, còn tờ quê ở Lập Thạch, Vĩnh Phú cơ mà! Bất tở nhận vợ sao được?”...

Nói vậy nhưng tuần sau ông cũng nhắn bà chị dâu gửi cho vài cân lạc, ít ấm chè, rồi kiếm thêm mấy bao Tam Đảo “chiếu đài” anh em một “chầu”. Hồi ấy, “khao” như vậy đã có thể gọi là “tương tất”, nhưng Anh hùng Lê Xuân Tấu vẫn có nhời sau trườc:

- Xin anh em thông cảm, hôm nào có điều kiện tớ sẽ khao mọi người tiệc mặn hẳn hoi. Làn này coi như cho tớ khát nợ nè!

Thế rồi tiếp đến là những ngày học tập huấn luyện căng thẳng để khẩn trương trở lại chiến trường. Hơn ba chục năm đã trôi qua, đồng đội ngày ấy nay kẻ mất người còn. Những người may mắn đi qua cuộc chiến tranh thì nay cũng mỗi người một cương vị, một hoàn cảnh. Mỗi lần hội trường, hội lớp, các cựu học viên Trường sĩ quan Tăng-Thiết giáp lại bồi hồi nhắc chuyện cũ, người xưa nhưng không thấy ai nhắc lại “món nợ” năm nào của anh hùng Lê Xuân Tấu nữa!

KÝ SỰ - PHÒNG SỰ

Hơn 10 năm đi tìm và chăm sóc mộ đồng đội

Ngày 19 tháng 07 năm 2005

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Không quân nhân dân Việt Nam đã lập nên những kỳ tích, bắn rơi hàng trăm máy bay của đế quốc Mỹ. Song trong cuộc chiến đấu không cân sức ấy, cũng rất nhiều phi công đã hy sinh anh dũng, mà hài cốt của họ nằm ở các nghĩa trang liệt sĩ, cũng có người đang nằm đâu đó trong những cánh rừng đại ngàn. Có một người cựu chiến binh phi công đã hơn 10 năm qua lặng lẽ đi tìm và chăm sóc mộ đồng đội...

Tìm đồng đội ở các nghĩa trang

Ông là Lê Đình Cảnh, quê ở Tâm Linh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ông sinh năm 1939, nhập ngũ năm 1960, vào đơn vị pháo binh Sư đoàn 312. Sau đó, có đợt khám tuyển phi công, ông đủ sức khỏe, được chọn đi học lái MiG-17 ở Liên Xô. Đợt học năm 1961, ông đã cùng với các phi công Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Văn Cốc, Nguyễn Hồng Nhị, Mai Cương... Tháng 11 năm 1964, ông tốt nghiệp về đại đội bay đêm ở đoàn không quân C21, cùng đại đội với anh hùng Lâm Văn Lích. Được bay đến năm 1967, do hoàn cảnh gia đình, ông thôi bay, xuống làm trợ lý tác chiến huấn luyện. Thời gian này ông thường đi công tác cùng với các thủ trưởng Trần Mạnh, Trần Hanh qua các sân bay Gia Lâm, Vinh, Sao Vàng, Quảng Bình... trong những tháng năm ác liệt của cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ ra miền Bắc. Ông đã được chứng kiến nhiều cảnh phi công ra đi không trở về, bản thân ông đã nhiều lần đi tìm anh em. Kỷ niệm sâu sắc nhất là lần đi tìm phi công Lê Quang Trung nhảy dù ở Việt Trì. Khi xe com măng ca đến bệnh viện Việt Trì thì Lê Quang Trung đang nằm bất tỉnh vì não bị chấn động mạnh. Ông lập tức đề nghị chuyển về Quân y viện 108. Ngày ấy đường đi rất khó khăn, phá Chèm bị đánh hỏng, xe xếp hàng khá dài. Ông báo cáo việc cấp cứu phi công để tìm cách vượt lên trước. Việc cấp cứu kịp thời đã cứu sống tính mạng phi công Lê Quang Trung, giúp anh trở về đội ngũ và tiêu diệt thêm 2 máy bay Mỹ nữa. Rất tiếc, sau này anh hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Hoàn cảnh gia đình ông lúc đó khó khăn, nhưng được cấp trên rất quan tâm. Có lần ông đi công tác xa nhà, đơn vị gửi tiền trợ cấp cho gia đình. Cả nhà lo lắng, tưởng ông đã hy sinh rồi. Vợ ông không dám nói với ai. Đến khi ông về qua nhà, cả nhà mừng rỡ, vợ ôm chầm lấy ông, khóc như mưa. Thấy vợ khóc tức tưởi mãi, ông an ủi:

- Anh đã về đây, sao em khóc mãi vậy?

- Anh cứ để cho em khóc. Đã bao ngày đêm em nuốt nước mắt vào bên trong để gia đình yên ổn.

Ông hiểu tâm trạng của vợ cũng như đã chứng kiến tâm trạng của bao người vợ phi công khác khi tới đơn vị thăm chồng. Nhà khách của đơn vị nằm dưới một đồi thông khá đẹp. Mỗi khi nghe tiếng máy bay nổ rung đất, các chị lại lên đỉnh đồi dõi theo những biên đội xuất kích. Khi đêm đủ những chiếc máy bay hạ cánh, các chị mới về. Nhiều chị bị tai nạn gãy tay, con ốm đau đi bệnh viện vẫn không viết thư cho chồng, để các anh yên tâm công tác.

Năm 1970, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông xin chuyển ngành, lúc đầu sang công ty khai thác cát, sau đó sang Hàng không làm chánh văn phòng. Dù đã đi khỏi quân chủng, nhưng lòng ông vẫn không người nhớ đến đồng đội. Ông nhớ đến những giây phút trên sân bay, trước khi vào trận đánh, anh em thường nói với nhau: "Nếu ai còn sống thì nhớ đến thăm gia đình những người đã ra đi!". Nhớ tới anh em đồng đội, ông thường âm thầm ra nghĩa trang liệt sĩ để thấp hương tưởng nhớ các anh!

Những tấm bia nặng tình nghĩa

Chính những lần ra nghĩa trang thăm anh em, ông mới thấy nhiều mộ liệt sĩ phi công bia mộ sơ sài, đôi khi chỉ đề một dòng chữ: "liệt sĩ Nguyễn Văn A, Quê X". Trong lòng ông xót xa. Ông muốn được làm lại bia mộ cho các liệt sĩ phi công thật trang trọng bằng đá, trên có ảnh liệt sĩ nung bằng gốm, để rõ họ tên, chức vụ, cấp bậc, quê quán, năm sinh, năm mất. Công việc tưởng chừng đơn giản, nhưng thật sự phức tạp. Ông đã phải máy mò sưu tầm lại ảnh những phi công đã mất. Cũng may là các phóng viên báo Quân chủng như Xuân Át, Minh Huệ... thường chụp ảnh phi công, rất nhiệt tình cung cấp ảnh cho ông. Tuy thế, cũng có người không có ảnh. Vừa rồi, ông đã liên hệ được một nhà văn người Hà Lan, do khám phục cuộc chiến đấu của không quân Việt Nam, đã

sưu tầm được một số ảnh phi công ta trong thời gian học ở nước ngoài. Nhà văn Hà Lan nọ đã gửi cho ông một số ảnh phi công đã được làm lại thành những bức chân dung khá đẹp. Để làm các bia mộ cần phải có kinh phí, rất may ông được sự đồng ý của anh em đồng đội, đặc biệt là của Thiếu tướng Nguyễn Hồng Nhị và Tổng giám đốc Vietnam Airlines Nguyễn Xuân Hiền.

Có lần, ông cùng Thiếu tướng Nguyễn Hồng Nhị đi gắn bia cho liệt sĩ phi công Đặng Ngọc Ngự ở nghĩa trang Trần Hưng Đạo. Các ông đã ghé qua nghĩa trang liệt sĩ huyện Phú Bình, Yên Bái. Không ngờ phần mộ của liệt sĩ Lê Quang Trung quá sơ sài, chưa có bia. Nhìn cảnh đồng chí Nguyễn Hồng Nhị đầu tóc bạc phơ cúi xuống nhỏ những bụi cỏ dại, ông đã xúc cảm thành dòng thơ:

Anh về trong lòng đất mẹ

- *Để nhớ thương đồng đội thuở chiến chinh*
Tóc đã bạc qua thời gian, năm tháng
Nhờ thương anh làm đẹp chỗ anh nằm.

Ông có rất nhiều câu chuyện đi tìm mộ liệt sĩ phi công đầy gian nan, nhưng cảm động. Phi công Nguyễn Văn Biên hy sinh ngày 29 tháng 9 năm 1966 trên bầu trời Vĩnh Phúc sau khi cùng biên đội bắn rơi một máy bay F105 của Mỹ. Lê Đình Cảnh đã nhiều lần đi về nghĩa trang liệt sĩ Việt Trì để tìm mộ Nguyễn Văn Biên mà không thấy. Rất may, anh tìm đến phòng chính sách Quân chủng thì có sơ đồ mộ chí của liệt sĩ Nguyễn Văn Biên. Ông đã tìm theo sơ đồ tới ngọn đồi thuộc xã Văn Lương cách Việt Trì 13km, theo sơ đồ thì có 6 ngôi mộ nằm san sát bên nhau, ngôi mộ của Nguyễn Văn Biên là ngôi mộ thứ ba giữa đỉnh đồi. Thực tế tìm đến nơi thì mồm đời bằng phẳng không phân biệt được đâu là phần mộ. Trên mặt đất dương xỉ, mẩu đơn, hoa mua phủ một tấm thảm dày. Năm tháng đã xóa nhòa tất cả, chẳng biết Nguyễn Văn Biên nằm đâu? Ông trở về báo cáo Thiếu tướng Nguyễn Hồng Nhị. Ông Nhị đã nhờ nhà ngoại cảm Năm Chiến bay từ Đà Nẵng ra tiếp sức. Ông Cảnh đôn nhà ngoại cảm lên đồi xã Văn Lương. Ông Năm Chiến cho biết còn ba ngôi mộ chưa cải táng. Lập tức ông Cảnh đánh dấu và xin phép địa phương cho khai quật. Thật kỳ diệu, đúng là còn ba ngôi mộ, và ngôi thứ ba là của anh Nguyễn Văn Biên. Chiếc quần si-mi-li gấp để dưới chân, áo ni lông đắp trên ngực, nhưng không có di vật nào của không quân cả. Để chắc chắn, ông lại cùng anh em cơ quan chính sách Quân chủng lần tìm về chỗ máy bay rơi. May quá ông gặp bác Hưng, nhân chứng sự kiện hôm ấy. Bác kể lại:

- Hồi đó tôi là dân quân. Lúc đó tôi đang đào giếng, bỗng thấy đất đồi rung lên. Sợ quá tôi vọt lên. Máy bay cháy, đạn pháo nổ âm âm. Thấy cờ đỏ sao vàng, tôi biết ngay là máy bay của ta. Tôi vội mang bùn trát lên ngôi sao và kéo anh Biên ra khỏi buồng lái. Không mặc quần áo cho anh được, vì anh đã biến dạng. Cũng không còn di vật vì máy bay bốc cháy dữ dội.

Nghe vậy ông mới khẳng định đó là hài cốt liệt sĩ phi công Nguyễn Văn Biên. Ông cùng đồng đội đưa anh Biên về nghĩa trang thành phố Việt Trì.

Đưa hài cốt liệt sĩ về quê

Có nhiều trường hợp gia đình các phi công liệt sĩ muốn đưa hài cốt của con em mình về quê hương. Họ tìm đến ông Lê Đình Cảnh để nhờ trợ giúp. Nhưng việc đưa hài cốt liệt sĩ ra khỏi nghĩa trang là cả một vấn đề như trường hợp liệt sĩ anh hùng phi công Nguyễn Văn Bẩy B, quê ở xã Hưng Mỹ, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Phi công Nguyễn Văn Bẩy B hy sinh trong một trận đánh không cân sức trên vùng trời Bà Thước, Thanh Hóa vào ngày 26 tháng 5 năm 1972. Máy bay của anh lao xuống ngọn núi Pu Vi, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân. Nhân dân địa phương đã chôn cất anh ở chân núi Lê Lai. Ông Cảnh đã lặn lội tìm lên, nhưng không hiểu ai đã dời mộ đi đâu. Ông đã cùng trung đoàn không quân C23 làm việc nhiều lần với huyện đội, phóng thương binh xã hội huyện Thường Xuân mà không có kết quả. Ông đã phải vào từng thôn bản để tìm nhân chứng. Rất may ông Bùi Xuân Đức, trưởng công an xã thời bấy giờ có kể lại chi tiết: Vào năm 1972, anh Nguyễn Văn Năm, anh ruột Nguyễn Văn Bẩy B mang theo tấm sơ đồ nơi anh Bẩy B hy sinh lên vùng núi Thường Xuân tìm em. Địa phương nghi anh là người xấu, giữ anh lại một tháng, sau khi xác minh anh mới được thả. Ông lập tức báo tin cho Thiếu tướng Nguyễn Hồng Nhị ở TP Hồ Chí Minh, tìm gặp anh Năm, nhờ đó biết được mộ anh Bẩy B đã di dời về nghĩa trang huyện Quảng Xương. Ông Cảnh lập tức tìm đến nghĩa trang thì tìm thấy ngôi mộ người anh hùng đánh tàu khu trục của Mỹ chỉ vền vẹn một dòng chữ trên miếng đá nhỏ: "Nguyễn Văn Bẩy, Bạc Liêu". Thiếu tướng Nhị mừng quá, đích thân vào huyện xin đưa hài cốt anh Bẩy B về quê hương. Cơ quan chính quyền địa phương không đồng ý. Ông Cảnh lại nhờ Thiếu tướng Mai Cương, phó

tư lệnh quân chủng là bạn thân của Bí thư Tỉnh ủy, viết thư vào cho Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Trọng Quyền nhờ giải quyết. Hôm làm lễ tiễn đưa anh Nguyễn Văn Bảy B từ Quân chủng Phòng không-Không quân lên sân bay Nội Bài để về Tân Sơn Nhất thật cảm động. Trung đoàn trưởng Nguyễn Phúc Trạch đọc lời tiễn biệt. Các đồng đội của anh, Trung tướng Trần Hanh, Thiếu tướng Nguyễn Hồng Nhị, Đại tá Lê Xuân Dị, Đại tá Nguyễn Mạnh Hải mỗi người một góc đưa hài cốt anh ra xe. Tại sân bay Tân Sơn Nhất, Ban liên lạc truyền thống Không quân phía Nam Nguyễn Văn Bảy A, Nguyễn Thành Út, Đinh Văn Dầy, cùng đồng đội và gia đình ra tận sân bay đón hài cốt người anh hùng. Sau đó hài cốt anh được đưa về Cà Mau.

Phi công Lê Trọng Long hy sinh ở Hòa Bình, gia đình muốn đưa hài cốt về Gia Lâm, ông Cảnh tìm mọi cách giúp đỡ. Năm 2000, ông Lê Đình Cảnh đưa hài cốt của hai liệt sĩ phi công Trần Thiện Lương và Trần Văn Mão về Bến Tre. Trên chuyến bay hàng không Việt Nam, các nữ tiếp viên rất ngạc nhiên, khi thấy ông vẫn để hai anh "ngồi" hai ghế và chăm sóc đồ ăn thức uống. Trong tâm tưởng của ông lúc ấy, hai anh như còn sống, đang cùng ông trở về quê hương thân yêu sau bao năm lưu lạc. Sự trở về của các anh như làm gia đình người ngoại phần nào nỗi nhớ thương, trông mong. Bạn bè của các anh như ông Bạch Vân đã đứng ra xây nhà tình nghĩa cho mẹ anh Mão và hứa giúp đỡ công ăn việc làm cho các em anh Mão...

Trong dịp 27 tháng 7 này, ông Lê Đình Cảnh lại tiếp tục cùng anh em đến thăm đồng đội trong các nghĩa trang và gắn bia cho các liệt sĩ phi công Phan Thanh Nhạ, Tạ Văn Thành, Tạ Đình Đoán... Niềm mong ước của ông sẽ tiếp tục làm đủ 34 chiếc bia nữa cho các liệt sĩ phi công. Việc làm nghĩa tình của ông Lê Đình Cảnh chắc chắn sẽ được sự ủng hộ của đồng đội và của cơ quan chính sách Quân chủng Phòng không-Không quân.

TOP

Đoàn Hoài Trung

Tìm kiếm từ ngày đến

Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

TỰ LIỆU - PHỎNG SỰ

Người anh hùng lập công bằng máy bay “lắm cánh, nhiều càng”

Ngày 01 tháng 08 năm 2005

Trên số 488 báo QĐND cuối tuần ngày 8 tháng 5 năm 2005, có bài “Anh phi công giờ ở đâu?” của

tác giả Nguyễn Đăng Chương, ở 16A, tổ 13 phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội ân hận

vì không kịp hỏi tên, đơn vị của anh phi công đã đánh chìm tàu biệt kích Mỹ trên biển Sầm Sơn, Thanh Hóa mà ông được chứng kiến hôm đó. Hy vọng bài viết nhỏ này sẽ giải tỏa cho nỗi băn khoăn của ông Nguyễn Đăng Chương và xin cung cấp cho bạn đọc về chân dung anh hùng Phan Như Cẩn, người phi công đã lập nên những chiến công đầu của Không quân Việt Nam.

Từ miền quê cách mạng, 18 tuổi, Phan Như Cẩn lên đường nhập ngũ và anh được tuyển chọn học lái máy bay. Trong khi nhiều người hào hứng học lái những máy bay phản lực hiện đại thì anh lại vui vẻ học lái máy bay AN 2 “lắm cánh nhiều càng”, bay chậm. Nhưng bằng máy bay này anh đã lập nên nhiều chiến công vang dội.

Tháng 7 năm 1959, lũ sông Đại Giang dâng cao, phá hủy đường sá, cắt đứt tất cả các con đường lên miền tây Vĩnh Linh, Quảng Bình. Đồng bào dân tộc thiểu số và những đơn vị mở đường chiến lược Trường Sơn bị thiếu đói, cấp trên quyết định dùng máy bay thả hàng cứu trợ xuống Vít Thu Lu. Đó là thung lũng có nhiều núi cao bao quanh, tỉnh không hạn hẹp, đói hỏi phi công phải có trình độ vững vàng, thành thạo kỹ thuật bay thấp. Phan Như Cẩn xung phong bay, anh đã tìm cách bay tòi ưu nhất để tiếm nhập vào bãi thả hàng rồi thoát ra nhanh kịp thời tiếp tế cho đồng bào và bộ đội. Tiếp đó, anh và đồng đội còn thực hiện nhiều chuyến bay tiếp tế hàng cho chiến trường Lào. Đó là những chuyến bay phải hạ cánh xuống vùng cao nguyên ít có nơi bằng phẳng, thường là những bãi đất gồ ghề sỏi đá, sát vực thẳm chứa đầy hiểm họa. Vượt qua mọi khó khăn, các chuyến bay do anh và đồng đội thực hiện đã kịp thời tiếp tế cho bộ đội ta và bạn. Đặc biệt, có lần anh đã chọn đường bay bất ngờ để đón vị lãnh tụ của phái trung lập Lào vượt qua vòng vây địch về căn cứ an toàn.

Lại còn chuyện này nữa, trong dịp kỷ niệm 5 năm thành lập câu lạc bộ Hàng không Việt Nam, anh chỉ huy biên đội AN 2 bay biểu diễn nhảy dù tập thể. Do sơ ý, một phi công trong biên đội đã vọt lên va vào máy bay của anh, làm bung cánh và một phần thân phải, máy bay mất thăng bằng, chao đảo. Rất bình tĩnh, Phan Như Cẩn kịp thời hạ cánh an toàn, trước sự khâm phục của bao người đang thót tim lo lắng.

Sau Sự kiện vịnh Bắc Bộ với quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Bộ Tư lệnh Không quân đã chỉ đạo cải tiến những chiếc AN 2 có thể trực tiếp chiến đấu. Dưới sự chỉ huy của kỹ sư Nguyễn Tường Long, đại đội kỹ thuật của Đoàn 919 đã lắp thêm súng cối và thùng phóng rốc két cho những máy bay vốn chỉ được dùng trong nông nghiệp. Cùng với đồng đội, Phan Như Cẩn lại bay tập với mong muốn trực tiếp dùng máy bay lập công. Thời cơ đã đến, 23 giờ 7 phút ngày 7 tháng 3 năm 1966, được tin tàu địch hoạt động ở vùng biển Sầm Sơn (Thanh Hóa), hai chiếc AN 2 mang số hiệu 670 và 671 được lệnh xuất kích. Được sự dẫn đường của sở chỉ huy không quân, biên đội nổi đuôi nhau, bay ở độ cao 100 mét trên mặt biển để tránh ra-đa địch. Đó là đêm 16 âm lịch, trăng rất sáng, nên các anh nhanh chóng phát hiện hai tàu biệt kích của địch đang lao vào bờ với tốc độ nhanh. Sau khi lệnh cho Đào Hữu Ngoan, phi công 671 yểm hộ, Phan Như Cẩn nhanh chóng chọn góc có lợi, bố nhào phóng đạn rốc két. Đến lần công kích thứ hai tàu địch trúng đạn bốc cháy, lửa cháy sáng rực cả vùng rồi chìm hẳn xuống biển, chiếc còn lại hốt hoảng bắn trả rồi tìm đường tháo chạy. Một mảnh đạn đã trúng vào máy bay 670, kính chắn gió vỡ, văng mảnh vào trán. Tình thế buộc phải hạ cánh khẩn cấp. Nén đau, đưa tay quệt dòng máu chảy, Phan Như Cẩn cho máy bay hạ dần độ cao, nhẹ nhàng đáp xuống bãi biển Sầm Sơn (như sự chứng kiến của đồng chí Nguyễn Đăng Chương đã viết trong bài báo).

Bằng máy bay “cổ lỗ sĩ” nhưng Phan Như Cẩn và đồng đội lập nên chiến công đầu tiên của Không quân Việt Nam trên mặt trận không đối biển. Tiếp đó, trong trận sân

tàu biệt kích đêm 14 tháng 6, anh và đồng đội lại bắn chìm một tàu địch. Hai lần bị máy bay ta bắn chìm buộc địch phải dừng hoạt động tàu biệt kích một thời gian để tìm cách đối phó, khi hoạt động trở lại chúng cũng không dám vào gần bờ như trước nữa. Với thành tích đó, tháng 6 năm 1966, anh được lên báo cáo thành tích với Bác Hồ.

11 giờ 43 phút ngày 12 tháng 1 năm 1968, biên đội AN 2 của Đoàn 919 do tiểu đoàn trưởng Phan Như Cẩn chỉ huy được lệnh xuất kích, thực hiện nhiệm vụ đặc biệt: Tiêu diệt đài ra-đa của Mỹ ở Pa-thí trên đất Lào. Đài ra-đa này ở trên đỉnh cao 1.688 mét, với các sườn núi dốc đứng nên bộ binh không thể tiến đánh được. Ở độ cao đó, đài này đã giám sát gần như toàn bộ hoạt động Phòng không-Không quân ta, đồng thời dẫn đường cho máy bay chúng đi ném bom miền Bắc. Đây là trận đánh khó vì phải bay sâu vào lòng địch, phải vượt qua nhiều dãy núi cao, lại phải bay thấp để tránh ra-đa địch phát hiện. Dưới sự chỉ huy của Cẩn, biên đội 4 chiếc AN 2 xuất kích từ Gia Lâm, mỗi chiếc mang theo 32 quả rốc két và 12 đạn cối 120mm, bay luôn qua các dãy núi vùng tây bắc Việt Nam, Mường Hàm, Mường Út (Lào) tiến về Pa-thí khi sương vừa tan, thuận lợi cho quan sát. Phát hiện được mục tiêu, tất cả đồng loạt lấy độ cao rồi lần lượt lao vào công kích. Từng loạt rốc két và đạn cối lao xuống, nhấn chìm cả đài ra-đa Pa-thí trong biển lửa. Tất cả hệ thống ra-đa, khu hậu cần, kỹ thuật, sở chỉ huy, hai máy bay lên thẳng và gần hai trăm tên địch bị tiêu diệt. Đây là chiến công đầu tiên trên mặt trận không đối đất của Không quân Việt Nam. Hoàn thành nhiệm vụ, biên đội rút về căn cứ. Trên đường về do phải bay thấp để tránh truy đuổi của máy bay địch, lại không có dẫn đường và thời tiết xấu nên hai chiếc AN 2 đã va vào núi, hai tổ lái hy sinh, trong đó có tiểu đoàn trưởng Phan Như Cẩn.

Anh ra đi khi mới 35 tuổi, nhưng chiến công của anh là tấm gương chói lọi của Không quân nhân dân Việt Nam. Đồng đội nhớ đến anh-con người vui vẻ có pha chút nghịch ngợm của tuổi trẻ, nhớ đến con mắt một mí luôn ánh lên sự sắc sảo thông minh và quyết đoán của một phi công mưu trí và sáng tạo. Ngày 25 tháng 8 năm 1970, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã truy tặng đại úy, phi công Phan Như Cẩn danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Chúng tôi vừa có dịp về thăm quê anh, xã Quang Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Trong ngôi nhà nhỏ bé của vùng quê nghèo có treo hai bằng Tổ quốc ghi công, một ghi tên Phan Như Cẩn, một ghi tên em út anh, Phan Như Trì, phi công lái máy bay Mig 21 hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trong giọng nói nghẹn ngào, anh Phan Như Vãn (người em thứ hai của anh Cẩn) kể lại: Suốt thời gian đi học lái máy bay ở Liên Xô rồi về Đoàn 919, duy nhất một lần anh Cẩn được về nhà. Cha mẹ và các em chỉ biết anh lái máy bay nhưng không biết cụ thể. Khi đó tôi còn nhỏ nhưng vẫn nhớ anh Cẩn đã chất chiu từng đồng lương người lính để có cuốn sổ tiết kiệm gửi về cho gia đình. Anh hy sinh khi chưa kịp thực hiện lời hẹn thành hôn với người anh yêu...

Chúng tôi kính cẩn nghiêng mình đót nén hương trước linh hồn người phi công thông minh, quả cảm. Con người đã quên mình vì đất nước.



Thanh Lê

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

QUỐC PHÒNG - AN NINH

[Nghệ thuật quân sự](#) | [Khoa học-kỹ thuật quân sự](#) | [Chính sách quốc phòng](#) | [Nhà trường](#) | [Quốc phòng toàn dân](#) | [Xây dựng quân đội](#) | [An ninh](#)

Lần đầu tiên tên lửa không đối không bắn rơi "thần sấm" Mỹ

Ngày 06 tháng 08 năm 2005

Lịch sử không quân Việt Nam đã ghi lại nhiều chiến công lẫy lừng... Đến tháng 9-1965, biên đội không quân MiG-17 (Lan-Chiêu-Tri-Độ) bắn rơi một máy bay F4 ở Nhà Nam (Bắc Giang) trở về an toàn. Điều đáng nói là qua chiến đấu, chỉ huy bay và phi công phát hiện ra một số nhược điểm của máy bay F4 Mỹ. Tính đến thời điểm 6-11-1965, trung đoàn 921 bắn rơi 15 máy bay/5 kiểu loại khác nhau. Tuy nhiên, trong chiến đấu chặn kích, MiG-17 của ta tốc độ chậm, bán kích hoạt động gần, vũ khí hàng không mới chỉ có pháo, chưa có tên lửa không đối không.

Được trên trang bị loại máy bay mới, hàng loạt các phi công chuyển loại sang MiG21, các biên đội MiG-21 nhận trực chiến từ tháng 2-1966. Mừng vì MiG-21 có nhiều ưu điểm nổi trội hơn MiG-17, thậm chí tốc độ vượt ngược còn tiên tiến hơn một số loại của không quân Mỹ lúc bấy giờ. Nhưng các phi công và chỉ huy cũng lo lắng về cách đánh, về sử dụng tên lửa hàng không, sao cho áp dụng tính năng kỹ thuật có hiệu quả về chiến thuật, tạo sự chuyển biến rõ nét trong chiến đấu.

Sau trận đánh rơi một máy bay không người lái tháng 3-1966, máy bay MiG-21 xuất kích hiệu suất chiến đấu thấp. Có ngày đánh 3 trận phóng 6 tên lửa, 14 rốc két nhưng "về tay không". Lại họp bàn, giúp kinh nghiệm. Nhiều ý kiến quý giá được coi trọng, nhiều phương án đánh được bàn thảo. Đã có những tổn thất phi công và máy bay, nhưng chưa có quả tên lửa nào bắn rơi máy bay Mỹ. Ai cũng náo nức lập công.

Ngày 7-7-1966, Nguyễn Nhật Chiêu và Trần Ngọc Xứu nhận lệnh xuất kích MiG-21 từ căn cứ. Trên khu vực hoạt động, máy bay được thông báo có F105 từ Tam Đảo lao xuống ném bom. Chúng bay theo đường bay qui luật. Hai máy bay MiG-21 được dẫn tốt, xuất hiện đúng lúc. Trần Ngọc Xứu ở thế thuận lợi, anh thao tác góc và hướng thật khéo, đưa ngay một tên vào vóng ngắm rồi bình tĩnh ấn nút phóng. Ngón tay anh giữ "có" giấy lát, tới khi tên lửa lao ra. Tên địch không thể chạy thoát, bùng cháy dữ dội. Hai chiếc MiG thoát ly nhanh, không cho bọn F4 bầu lại giờ trò. Trời Nội Bái hôm ấy chứng kiến tên lửa đối không lần đầu bắn rơi máy bay F105, loại "con ma" có người lái. Bốn ngày sau, 11-7, biên đội Vũ Ngọc Đĩnh, Đồng Văn Song lại bắn rơi một chiếc nữa trên vùng trời Sơn Dương-Tuyên Quang, củng cố thêm niềm tin thắng lợi vào vũ khí mới, máy bay mới. Cuộc chiến đấu tìm kiếm cách đánh thích hợp cho MiG-21 vẫn còn phía trước...

KỶ SỰ - PHÒNG SỰ

Viết tiếp bài báo: “Tìm thấy tổ bay cảm tử mất tích trong chiến dịch Mậu Thân”

Ngày 16 tháng 08 năm 2005



Địa điểm chiếc máy bay rơi theo trí nhớ của đồng chí Lê Hải Nhuận

Sau khi báo Quân đội nhân dân ngày 6-8-2005 đăng bài “Tìm thấy 2 chiếc máy bay mất tích trong chiến dịch Mậu Thân” chúng tôi đã nhận được nhiều điện, thư của bạn đọc từ khắp nơi gửi về tòa soạn cung cấp những thông tin có liên quan về sự kiện này. Đặc biệt là những thông tin về 2 chiếc máy bay còn lại hiện chưa được tìm thấy và những bí ẩn xung quanh những chiếc máy bay mất tích sau 38 năm ấy, báo Quân đội nhân dân mong bạn đọc tiếp tục theo dõi, cung cấp cho báo Quân đội nhân dân những thông tin, tài liệu mới hơn.

Bài 1: Có thêm thông tin mới về những chiếc máy bay cảm tử

Qua những thông tin từ phía bạn đọc, vừa qua chúng tôi đến Quân chủng Phòng không-Không quân và được Ban chính sách Quân chủng giới thiệu tới Đoàn bay 919 (Tổng công ty Hàng không Việt Nam) để tìm hiểu thêm thông tin về những chiếc máy bay còn lại chưa được tìm thấy.

Đồng chí Phạm Huy Vận, Phó Trưởng Đoàn bay 919 và đồng chí Đoàn Thế Tuyên, cán bộ chính sách của Đoàn bay 919, cho biết: trong hai ngày 7-2-1968 và ngày 12-2-1968 có 5 tổ bay IL-14 nhận nhiệm vụ chiến đấu, xuất phát từ Hà Nội: 3 tổ đánh trận đôn Mang Cá và 2 tổ đánh trận cảng Cửa Việt. Trong 3 máy bay đánh trận đôn Mang Cá, gồm 2 chiếc chở bom và một chiếc chở hàng chi viện, tất cả đều mất tích. Như bài báo trước đã đưa, trong 2 máy bay tìm được tại A Lưới, một chiếc xung quanh có rất nhiều mảnh dù, chiếc còn lại có rất nhiều quả đạn cối và bom tạ, có thể đây là một chiếc chở bom và chiếc chở hàng mất tích vào năm ấy. Điều đó cũng có nghĩa là, còn một chiếc máy bay chở bom trong trận đánh đôn Mang Cá chưa tìm thấy.

Cũng theo thông tin từ Đoàn bay 919, chúng tôi được biết thêm, 2 chiếc máy bay IL-14 tham gia đánh trận cảng Cửa Việt, một chiếc bị bắn thủng thùng xăng buộc phải hạ cánh ở sân bay Sao Vàng (Thanh Hóa), chiếc còn lại bị mất tích cho đến tận bây giờ.

38 năm, trong trí nhớ của nhiều người cùng thời, để giúp tìm kiếm 2 chiếc máy bay còn lại ấy quả là một bài toán rất khó bởi các nhân chứng đều đã có tuổi, mà địa hình hôm nay đã có quá nhiều thay đổi. Nhưng thật bất ngờ, sau khi bài báo đến tay bạn đọc, chúng tôi nhận được thư của một bạn đọc từ Tây Nguyên, có nói về một chiếc máy bay mà một người nhà của ông biết. Ông là Trần Thanh Tùng (Đại học Tây Nguyên-tỉnh Đắk Lắk). Trong thư ông viết: “Vào năm 1982, tôi về thăm quê ở Quảng Trị, đến nhà chú tôi, tôi thấy nhiều vật dụng bằng nhôm rất đẹp. Chú tôi cho biết, chú thấy một máy bay khà nguyên vẹn trên núi và xé ra đem về dùng. Địa điểm ở vùng núi huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (phía nam Đường 9)”. Ông Trần Thanh Tùng chỉ để lại địa chỉ của gia đình ở Quảng Trị là: Trấn Kim Bồi, thôn Thạch Đầu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Nhận được thông tin Đoàn bay 919 đã đặt nhiều giả thiết để xác định tung tích của những chiếc máy bay mất tích, xác định đó có thể là một trong những máy bay của Đoàn đã tham gia trận đánh cảng Cửa Việt vào đầu xuân năm 1968. Họ đã trực tiếp gửi thư cho ông Bồi, và chuẩn bị công việc vào Quảng Trị xác minh cụ thể loại máy bay và tìm hiểu qua nhân chứng những thông tin có liên quan đến thi hài của những người đã mất trong chiếc máy bay ấy.

Cũng thời gian này, báo Quân đội nhân dân nhận được tin từ đồng chí Đại tá Lê Hải Nhuận, hiện là Trưởng phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường của Trường cao đẳng Văn hóa- Nghệ thuật Quân đội, nguyên là chiến sĩ Đoàn B24 của Binh đoàn Hương Giang. Cụ thể là, vào năm 1970, trong một chuyến hành quân từ đỉnh Phu Réc tới dốc Cao Bồi và cách dốc Cao Bồi 2 tiếng đồng hồ đi bộ về phía đông nam, đồng chí

Nhuận và đồng đội có thấy một chiếc cánh máy bay nằm trên đỉnh một ngọn núi, có dòng chữ tiếng Nga, nên anh và bạn bè khẳng định đây là máy bay của ta, có thể là máy bay mất tích trong Mậu Thân năm 1968. Ngoài ra, đồng chí còn thấy một mảnh dù chừng 2m bay dọc trên cành cây, mà theo đồng chí Nhuận, đây có thể là mảnh dù của đồng chí phi công đã hy sinh. Ngay lập tức, chúng tôi mượn tấm bản đồ từ Quân chủng Phòng không-Không quân để đồng chí Nhuận xác định tọa độ, nhưng do bản đồ không chi tiết, chỉ có một địa danh là đỉnh Phu Réc nằm trên nước bạn Lào, giáp đường biên giới, đồng chí Nhuận chỉ vẽ được một cách ước lượng, nếu so đường chim bay nó chỉ bằng 1/8 quãng đường từ Phu Réc về thị trấn A Lưới.

Chúng tôi đặt giả thiết, liệu đây có phải là chiếc máy bay chỡ dù trong trận đánh đồn Mang Cá vừa tìm được trong đợt vừa rồi? Thông tin có vẻ không trùng khớp, bởi chiếc máy bay tìm được là chiếc máy bay có rất nhiều mảnh dù ở địa bàn huyện A Lưới, cách cánh rừng xã Hồng Thượng, nơi có chiếc máy bay đầu tiên được tìm thấy chỉ 3km. Mà theo bản vẽ của đồng chí Nhuận, thì chiếc máy bay mà anh và đồng đội nhìn thấy phải cách Hồng Thượng ít nhất là 30km đường chim bay. Đồng chí Nhuận khẳng định, nếu như có bản đồ chi tiết, chắc chắn anh sẽ xác định được tọa độ của chiếc máy bay anh thấy 35 năm trước. Và chúng tôi hy vọng rằng, đây sẽ là chiếc máy bay thứ tư nhưng cũng chỉ là một giả thiết.

Cũng thời gian này, theo thông tin từ Đoàn bay 919, đồng chí Lại Văn Vượng (một nhân chứng đã được đề cập trong bài viết trước) có nhớ thêm một thông tin rất quan trọng. Vào năm 1972, đồng chí Vượng có gặp 2 chiến sĩ trinh sát, một đồng chí tên là Tiến, một đồng chí không rõ tên. Đồng chí Tiến cho biết, trong quá trình đi trinh sát, anh phát hiện thấy có một máy bay rơi còn nguyên vẹn trên địa bàn huyện A Lưới. Vì biết tiếng Nga nên nhìn dòng chữ trên cánh máy bay, đồng chí Tiến khẳng định đây là máy bay của ta. Hai đồng chí vào trong máy bay có thấy một bộ hải cốt nguyên vẹn, bên cạnh còn khẩu súng K59, bao súng, sau đó họ tiến hành chôn cất người liệt sĩ ấy. Liệu đây có phải là chiếc máy bay chỡ bom trong trận đánh đồn Mang Cá? Và liệu có phải là chiếc thứ 4 hay không? Còn chiếc máy bay mà đồng chí Nhuận nhìn thấy? Tất cả còn phải xác minh tiếp. Nhưng cũng từ ngày ấy, đồng chí Vượng cũng không biết đồng chí Tiến cùng đồng chí chưa rõ tên kia bây giờ đang làm gì, ở đâu. Nếu hai đồng chí được những thông tin này, mong sớm liên hệ cùng chúng tôi theo số điện thoại 069 554119 hoặc địa chỉ báo Quân đội nhân dân, số 7 - Phan Đình Phùng-Hà Nội để xác định và mong giải mã được một số bí ẩn, dù rất nhỏ xung quanh những chiếc máy bay mất tích trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968, qua đó để tìm kiếm, quy tập hải cốt các liệt sĩ của chúng ta về với đồng đội, người thân trong sự mong mỏi suốt quãng thời gian 38 năm vừa qua...

Những thông tin hiện chúng tôi có được từ Quân chủng Phòng không-Không quân, Đoàn bay 919 cũng như bạn đọc gần xa, mới chỉ là những thông tin bước đầu, còn cụ thể điểm rơi của 2 chiếc máy bay còn lại cũng như thông tin của những thành viên các tổ bay, vẫn đang chờ kết quả xác định trên cơ sở những gì thu thập được thời gian qua và đặc biệt là chờ sự hợp tác của các nhân chứng, của nhân dân, nhất là nhân dân huyện A Lưới trong việc phát hiện, tìm kiếm.

(còn nữa)

Bài 2: Nỗi niềm người thân



Nguyễn Vũ-Xuân Thủy

Tìm kiếm từ ngày đến

Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

KÝ SỰ - PHÒNG SỰ

Viết tiếp bài báo: "Tìm thấy tổ bay cảm tử mất tích trong chiến dịch Mậu Thân" (Số 2)

Ngày 16 tháng 08 năm 2005

Bài 2: Nỗi niềm người thân

Bên cạnh những thông tin về 2 chiếc máy bay còn lại trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968 mà báo Quân đội nhân dân sẽ tiếp tục thông tin đến cho bạn đọc, phóng viên đã có dịp được gặp gỡ những thân nhân của các liệt sĩ đã hy sinh trong tổ bay cảm tử ấy. Chính họ, những người ở lại, chờ đợi và hy vọng suốt 38 năm qua cũng là một sự hy sinh rất cao đẹp. Với những đóng ký ức về chồng, cha, anh của họ, chúng tôi mong muốn gửi đến bạn đọc những thông tin về những liệt sĩ đã ngã xuống góp phần đổi lấy hòa bình cho đất nước, như một nén hương tưởng nhớ đến các anh, những chiến sĩ anh hùng!

Gia đình liệt sĩ Phạm Kế hiện sống ở Gia Lâm, cách đoàn bay 919 không xa. Bà Hạnh, vợ của liệt sĩ, năm nay đã ở tuổi bảy mươi, dáng người khắc khổ lam lũ, đôi mắt đục mờ, nghẹn ngào kể: "Tôi và ông ấy tuy có với nhau 3 mặt con thật nhưng sống bên nhau chả được mấy ngày, vợ chồng còn chưa thuộc hết tính nết của nhau thì ông ấy đã hi sinh". Quê ông bà ở xã Trung Lương, Đức Thọ (Hà Tĩnh). Ông sinh năm 1934, là con cả trong gia đình nông dân. Năm 1953, ông tình nguyện đi bộ đội, đơn vị đóng bên cầu Hiền Lương (Quảng Trị). Đến năm 1956, ông nghỉ phép về cưới bà, cưới nhau được 4 ngày thì ông trở lại đơn vị, khi ấy bà mới hai mươi tuổi. Sau đó ông chuyển ra một đơn vị pháo binh đồng quân ở Nghệ An, điều kiện gặp mặt giữa hai vợ chồng càng thưa hơn. Năm 1957 bà có ra Nghệ An thăm ông một lần. Bà kể, ông có tài làm xiếc đi trên dây thép, luôn có mặt trong đội văn nghệ của đơn vị. Năm 1957, ông được tuyển vào bộ đội Không quân, được Quân đội cho đi học văn hoá ở Lạng Sơn, rồi học lái máy bay và về công tác tại Đoàn bay 919. Năm 1962, bà lại ra Hà Nội ở nhờ nhà người anh trai để được gần chồng. Kết quả chuyển đi ấy là bà đã mang thai và sinh đứa con đầu lòng. Cũng muốn ở lại Hà Nội cho vợ chồng con cái gần gũi nhưng ở quê còn mẹ chồng, cụ lại chưa có đứa cháu nào nên rất "thèm cháu"; thương mẹ, bà đành bế con về quê sống cho có bà có cháu. Năm 1965, lần đầu tiên ông được về quê ăn tết với gia đình, cũng dịp ấy bà có đứa con thứ hai. Đến năm 1966 thì bà chuyển ra Hà Nội để vợ chồng đoàn tụ, đứa con lớn để ở quê với bà nội.

Ra Hà Nội, bà xin vào làm công nhân tại nông trường nuôi bò An Khánh gần sân bay Gia Lâm, mấy mẹ con mượn tạm gian nhà kho trái chiếu ra nền nhà ở tạm. Hôm nào ông về, người bảo vệ nông trường ở gần đó lại thương tình đi chỗ khác ngủ, nhường cho vợ chồng bà mượn tạm căn phòng cùng chiếc giường của mình. Lâu lắm ông mới được về, có về lại về rất khuya, đến tờ mờ sáng đã lại ra đi, cho nên khi bà mang thai đứa con thứ 3 mọi người đã đùa rằng chẳng thấy chồng về bao giờ mà lại có thai được. Những ngày trước Tết Mậu Thân năm 1968 là những ngày vui vẻ của gia đình. Ông nói với bà, năm nay mà được nghỉ thì mừng 4 Tết sẽ về để ăn Tết với mấy mẹ con cho gia đình sum họp. Thế rồi nhiệm vụ quá căng thẳng cứ cuốn đi, ông không còn tạt qua nhà được chỉ một lát. Năm ấy địch đánh nhiều, mẹ con bà phải sơ tán đến ở trong một chiếc ló gạch cũ ở Làng Nha. Một buổi tối, sau tết hơn một tuần, khi mấy mẹ con bà đã yên giấc thì ông về, lúc đó đã là 2 giờ sáng. Ông thông báo sắp đi công tác. Bà bảo "Nhà có gạo nếp, để em nấu anh ăn rồi đi", nhưng ông bảo "Đơn vị đã lo cả rồi đừng nấu nữa". Rồi ông đột ngột chuyển sang dặn dò: "Nếu một tháng sau mà không thấy anh trở về thì anh không còn nữa đâu, em chịu khó nuôi con, sau này con lớn thì nhờ chúng nó...". Bà vừa khóc vừa hỏi "Sao anh lại nói thế, sao anh lại không về?". Thấy thế ông cười bảo, anh nói đùa đấy má, anh mà chết thì ai sống với mẹ con em? Nhưng rồi ông lại bảo, nếu anh không còn, số tiền tuất được khoảng 1000 đồng, em lấy về để nuôi con. Bà đã ôm lấy ông mà khóc, bà linh cảm rằng ông sắp sửa nhận một nhiệm vụ rất quan trọng. Buổi tối mừng mười tết năm đó là buổi tối cuối cùng bà được nhìn thấy ông. Sáng hôm sau, ông ra đi khi trời còn nhập nhoạng, và đi mãi... không bao giờ trở về nữa. Sau đó một tuần thì bà trở dạ sinh đứa con thứ 3. Đơn vị cử người ra chơi nói rằng ông đang học ở Trung Quốc không về được, có gửi cho chị và

cháu chút quà gồm một cân miến, một gói chè, một bao thuốc lá, một gói kẹo và một lọ nước hoa, một lọ phấn rôm cho cháu bé mới sinh. Bà ghen ngào trong nước mắt: Tôi biết chồng tôi hy sinh rồi, hãy cho tôi biết anh ấy hy sinh ngày nào để tôi còn cúng giỗ cho anh ấy... Đừng giấu tôi làm gì...

Sau khi ông hi sinh, biết bao khó khăn chồng chất lên vai bà. Một mình bà phải làm nuôi ba con cùng mẹ chồng và bố đẻ ở quê ra vì trong quê bị trúng bom Mỹ, nhà cửa cháy hết không còn gì ông phải ra ở với con gái. Đến năm 1978 thì bà chuyển từ nông trường An Khánh về làm nuôi quân ở Đoàn bay 919 là đơn vị của ông. Tàn tảo làm lụng, thờ chồng nuôi con, đến nay các con của bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, tuy chưa khá giả nhưng cũng có nghề nghiệp tử tế. Cả ba người con của ông bà hiện đều công tác trong Tổng Công ty Hàng không, anh cả Phạm Ngọc Hải làm lái xe, người con gái Phạm Phi Yến làm kế toán ở đoàn tiếp viên, người con trai út Phạm Ngọc Lâm sinh năm 1968, ngay sau khi cha hi sinh, nay anh làm ở bộ phận kiểm soát không lưu.

Một đồng chí nữa trong tổ bay của phi công Phạm Kế là liệt sĩ Ngô Phượng Châu. Anh là người được đồng đội và gia đình hết lời ca ngợi về tài năng và đức độ. Trong tổ bay xuất kích ngày 7-2-1968, Ngô Phượng Châu là sĩ quan dẫn đường. Ngay sau khi đọc được những thông tin trên báo Quân đội nhân dân, gia đình của liệt sĩ Ngô Phượng Châu gồm mẹ của liệt sĩ và 4 người con của bà đã tìm đến cảm ơn Quân chủng PK-KQ và Đoàn bay 919, tìm gặp những người đã trực tiếp đi vào A Lưới, nơi các liệt sĩ hi sinh để tìm hiểu rõ hơn sự việc. Bà Ngô Thị Tuyết là mẹ của liệt sĩ nay sống tại khu tập thể 1A-Đặng Thái Thân (Hà Nội) ghen ngào nói: "37 năm nay tôi tính từng ngày, không ngờ sau bấy nhiêu năm lại có ngày tìm thấy nơi con ngã xuống, cho dù chưa chắc chắn mười mươi, cho dù xương cốt không còn gì thì đó vẫn là một niềm an ủi lớn với gia đình".

Liệt sĩ Ngô Phượng Châu sinh năm 1942, là con trai của ông Ngô Phượng Chì và bà Ngô Thị Tuyết. Gia đình liệt sĩ là hậu duệ đời thứ 7 của Ngô Thời Nhậm. Ông bà trước đây đều là cán bộ của Cục Quản giới. Bà vẫn nhớ như in hình ảnh cậu con trai ngộ nghĩnh khi nhà còn ở phố Khâm Thiên những năm đầu kháng chiến chống Pháp, mặc dù mới 5 tuổi đầu nhưng đã cầm cờ kháng chiến chạy dọc hành lang trên gác hồ to "ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Việt Minh". Khi gia đình theo cách mạng chuyển lên sinh sống tại Việt Bắc, Phượng Châu được đi học trường thiếu sinh quán ở Quế Lâm, Trung Quốc. Trước ngày lên đường anh còn tranh thủ vào rừng lấy cho mẹ cả một nửa gian bếp củi khô vì bà sắp đến ngày sinh nở. Cho đến trước lúc lên xe, được chia mỗi người một mũ lạc rang, anh còn tách khỏi hàng chạy về đưa qua cửa sổ cho các em của mình. Bố của liệt sĩ Ngô Phượng Châu trước khi mất chỉ mong sao có một ngôi mộ của anh trong một nghĩa trang nào đó, dù là mộ tượng trưng, để tưởng nhớ đến người con của gia đình.

Chị Ngô Thanh Tâm là em gái của liệt sĩ Ngô Phượng Châu, hiện công tác tại Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng thì lại nhớ về hình ảnh anh trai với sự ân cần, tận tụy, chu đáo. Là thư cuối cùng Ngô Phượng Châu gửi cho em trước khi hi sinh trong chuyến bay cảm tử, anh đã dặn dò em gái nhiều điều, đặc biệt còn chép tặng chị bài hát "Em là hoa Pơ lang" và bốn câu thơ mừng sinh nhật lần thứ 20 của em gái (23-11-1967). Trước khi lên đường tham gia chuyến bay ngày 7-2-1968, anh mới cưới vợ được 9 tháng nhưng cũng chỉ về bên chị được vài lần nên hai vợ chồng vẫn chưa kịp có một đứa con. Gia đình và vợ anh, chị Trịnh Thơ Thơ, lâu không thấy anh về thì sốt ruột lắm nhưng không biết làm sao. 6 tháng sau ngày anh hi sinh, nhà mới nhận được giấy báo tử. Mặc dầu vậy, chị Trịnh Thơ Thơ vẫn cứ ở vậy, chờ mãi đến năm 1972, khi ta và Mỹ trao đổi tù binh vẫn không có tên anh, niềm hy vọng cuối cùng đã tắt chị mới đi bước nữa. Hiện nay chị Thơ làm giáo viên của Trường Đại học Nông nghiệp I, chị và gia đình vẫn qua lại thăm mẹ anh những ngày giỗ tết của gia đình và sinh nhật của anh. Mẹ anh Châu năm nay đã 82 tuổi nhưng bà vẫn mạnh khỏe và minh mẫn. Bà bảo đang cử hai người con xuống Hải Phòng để cảm ơn cựu chiến binh Lại Văn Vượng-người đã viết bức thư gửi Quân chủng PK-KQ để từ đó tìm ra nơi hi sinh của các liệt sĩ.

Sau khi báo đăng, chị Trần Thị Mây Lai ở thị trấn Bồ Hạ - Yên Thế (Bắc Giang) cũng đã tìm về Đoàn bay 919 để thắp hương cho các liệt sĩ và tìm hiểu thêm về trường hợp hi sinh của anh trai mình là liệt sĩ Trần Văn Thái trong tổ bay của phi công Phạm Kế. Chị Lai cho biết, bố mẹ chị chỉ có hai anh em. Anh Thái sinh năm 1945. Bố của anh chị là liệt sĩ chống Pháp, anh là con trai duy nhất, trong diện được miễn nghĩa vụ quân sự, nhưng khi Bộ đội Không quân về tuyển quân, vì rất yêu thích nên anh đã tình

nguyện làm chiến sĩ nhảy dù. Sau này anh về nhận công tác tại Sư đoàn dù B05. Trong chiến dịch Mậu Thân-1968, sư đoàn anh có nhiệm vụ phối hợp cùng Đoàn bay 919 để thực hiện các chuyến bay vào Trị Thiên-Huế thả hàng cho chiến trường. Trước Tết năm đó anh được về thăm nhà mấy ngày. Anh nói với mẹ: Nhà mình đột lắm rồi, để con đi mấy ngày rồi con về con sửa cho mẹ, cho em. Và anh dặn chị Lai, anh đi ở nhà mẹ có ốm đau gì thì em nhớ hàng xóm, họ hàng giúp đỡ. Nhưng rồi anh đã đi, không trở về sửa lại nhà như đã hứa...

Còn một số gia đình liệt sĩ cho đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm gặp hết được do thời gian quá lâu, gia đình mỗi người mỗi nơi. Một điều đáng buồn là các chiến sĩ nhảy dù thuộc Sư đoàn B05 tham gia chiến dịch ngày ấy vì là đơn vị phối thuộc không nằm trong quân số của đơn vị nên Đoàn bay 919 không quản lý danh sách. Tên của các anh hiện nay cũng không có trong hồ sơ cơ quan chính sách Đoàn 919. Sư đoàn B05 thì đã giải tán, vậy nên không biết hồ sơ các liệt sĩ của B05 hi sinh trong chiến dịch Mậu Thân bây giờ ở đâu? Điều này càng làm cho chúng tôi nóng lòng mong đợi tiếp tục nhận được hồi âm của đồng đội, những người có liên quan và gia đình các liệt sĩ ấy. Với bài viết này, bên cạnh sự chia sẻ với thân nhân các liệt sĩ và để bạn đọc tiếp tục thông tin về những tổ bay cảm tử, chúng tôi cũng mong các đồng chí đồng đội của những chiến sĩ nhảy dù B05, về tên, tuổi và những thông tin có liên quan hãy cung cấp cho chúng tôi theo địa chỉ: báo Quân đội nhân dân, số 7-Phan Đình Phùng, Hà Nội, hoặc liên lạc theo số máy điện thoại: 069.554119.

(còn nữa)

Bài 3: Tượng đài trong lòng đồng đội



Xuân Thủy-Nguyên Vũ

Tìm kiếm từ ngày : đến
 Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

KÝ SỰ - PHÒNG SỰ

Viết tiếp bài báo: “Tìm thấy tổ bay cảm tử mất tích trong chiến dịch Mậu Thân (Số 3 và hết)

Ngày 18 tháng 08 năm 2005



Liệt sĩ Ngô Phương Châu

Bài 3: Tượng đài trong lòng đồng đội

Hiểu nỗi lòng thân nhân các liệt sĩ của tổ bay cảm tử trong chiến dịch Mậu Thân 1968, như báo Quân đội nhân dân đã đưa, đồng chí Phạm Huy Vận, Phó trưởng Đoàn bay 919 đã trao đổi với phóng viên báo Quân đội nhân dân: “Mặc dù bây giờ Đoàn 919 không còn ở trong Quân đội nữa, nhưng quá khứ hào hùng anh em chúng tôi mãi ghi nhớ. Dù các anh mãi đi xa, nhưng các anh vẫn mãi là những đồng chí, đồng đội thân yêu của chúng tôi và chúng tôi quyết tâm tìm các anh về với đồng đội, với người thân, hoặc ít nhất cũng xác định được nơi các anh ngã xuống...”.

Ông Nguyễn Văn Sửu ở ngõ 117, đường Nguyễn Sơn (Gia Lâm-Hà Nội), một trong những phi công tham gia các tổ bay cảm tử ngày ấy kể lại: “Tôi và phi công Phạm Kế cùng học ở Trường văn hoá Lạng Sơn về đơn vị cách nhau vài tháng. Trước

chiến dịch Mậu Thân, chúng tôi được Cục Quân huấn-Bộ Tổng Tham mưu- trực tiếp xuống giao nhiệm vụ huấn luyện. 6 tổ bay được thành lập và tổ chức luyện tập theo kế hoạch. Các thành phần được sơ tán về thôn Quán Khê, xã Dương Quang, cách sân bay Gia Lâm hơn 10km. Ở đó chúng tôi được học chính trị, học sơ đồ đường bay, tính toán trên bản đồ... sau đó là tập bay đêm, cứ 17 giờ là bắt đầu. Một số đồng đội đã được bố trí đốt lửa làm địa tiêu ở các vị trí khác nhau để phi công tập nhận biết mà thả hàng. Địa bàn huấn luyện và đốt lửa chủ yếu ở vùng Tây Bắc. Sau này chúng tôi mới biết, trên tổ chức huấn luyện như vậy để khi vào Trị Thiên – Huế thả hàng sẽ hiệp đồng với quân ta đốt lửa làm hiệu như vậy. Đến tháng 2-1968 thì Tư lệnh Phùng Thế Tài cho gọi chúng tôi về sân bay Gia Lâm. Từng tổ được giao nhiệm vụ riêng. Chúng tôi hiểu rằng đây là nhiệm vụ hết sức đặc biệt và quan trọng. Các máy bay chiến đấu phải xoá hết Quốc kỳ, số hiệu; tổ bay phải bỏ lại mọi tư trang, đồ dùng cá nhân, nhất là các giấy tờ tùy thân, mỗi người chỉ được phát một bộ quần áo quân giải phóng để mặc. Các việc làm trên nhằm mục đích giữ bí mật. Trước khi xuất kích, các tổ bay đều được chụp ảnh lưu niệm. Mọi người đều xác định tốt nhiệm vụ nên coi những chuyến đi ấy rất nhẹ nhàng. Trong đơn vị ai cũng xác định tư tưởng là vậy nhưng khi các tổ bay không trở về, cả đơn vị buồn bã, mọi người nhìn nhau không nói được câu nào, nhà ăn vắng ngắt. Chi nuôi quân nấu một nồi quân dụng cháo gá to ngồi chờ mãi nhưng chẳng ai trở về, chẳng ai đến ăn, cuối cùng phải đổ đi...”. Ông Sửu cho biết, ngày ấy ông cùng với phi công Phạm Kế, người lái chính tổ bay xuất kích ngày 7-2-1968, ở cùng một phóng trong nhà trọ của ông Bảy ở thôn Quán Khê. Anh Kế là người hiền lành, trầm tính nhưng hay đùa đi đôm. Khi đó anh đã có vợ và con, nhà ở Nông trường An Khánh, gần sân bay Gia Lâm.

Cũng từ thông tin bài viết trên báo Quân đội nhân dân, chúng tôi vừa nhận được thư của anh Trần Văn Tánh hiện công tác tại Ngân hàng Sài Gòn-Thương Tín (chi nhánh tại Bình Dương) gửi về tòa soạn. Anh viết: “Qua thông tin bài báo, tôi thấy có nhiều điều liên quan đến bác ruột của tôi là liệt sĩ Trần Văn Tụ. Hồi đó, bác tôi là phi công thuộc Đoàn bay 919. Theo giấy báo tử của đơn vị, bác tôi hy sinh ngày 12-2-1968 tại chiến trường C. Bác tôi sinh năm 1933. Trong album ảnh của bác tôi còn có rất nhiều bức ảnh chụp cùng đồng đội, trong đó có một bức có đóng chữ ở phía sau: “Tặng tiểu đội 1, trung đội 1 vì đã có thành tích trong năm 1967”, kí tên Minh Đức. Và trong sổ ảnh của bác tôi, còn có những tấm hình có ghi tên những đồng chí như sau: “Hữu Mai QB (có lẽ là Quảng Bình), Lam 6-2-1962, Niêm, Huy Hào-Cát Bi 2-10-1962, Thọ 7-8-1961, Hồ Đắc Mộng. Qua báo Quân đội nhân dân, tôi muốn được liên hệ với những người có tên trong bức ảnh và người chụp ảnh, tìm bác Minh Đức, nếu các bác vẫn còn sống. Qua quý báo, tôi cũng như gia đình rất mong có được thông tin về trận đánh, hải cốt cũng như thông tin chi tiết về những năm tháng bác tôi tập kết ra Bắc sau đó học tại trường hàng không và công tác, chiến đấu thuộc Đoàn bay 919. Tôi nghĩ những thông

tin đó là cần thiết để gia đình biết thêm về bác tôi cũng như để giáo dục cho con cháu về truyền thống cần được gìn giữ và phát huy”.



Tổ bay của Phạm Kế

Chúng tôi rất cảm động vì một người cháu mà vẫn giữ những kỉ niệm về bác mình một cách cẩn thận và kĩ lưỡng như thế, nhưng hơn hết là tình cảm của thế hệ đi sau dành cho những người đi trước. Chúng tôi muốn gửi đến anh Thành rằng, tổ bay của bác anh gồm có 5 người theo thông tin từ hồ sơ lưu của Đoàn bay 919, gồm có liệt sĩ Nguyễn Văn Bang, liệt sĩ Lê Văn An, liệt sĩ Hồ Văn Tiếp, liệt sĩ Trần Văn Tự, liệt sĩ Lê Hữu Đắc. Bác anh Tấnh và đồng đội cùng trên chiếc máy bay IL-14, xuất phát từ lúc 5 giờ ngày 12-2-1968, hy sinh tại Thừa Thiên-Huế.

Sau đó, chúng tôi có điện thoại cho anh Thành hỏi về gia cảnh của liệt sĩ Trần Văn Tự bây giờ. Anh Thành cho biết: “Vào tháng 3-1954, đơn vị của bác tôi đóng quân tại huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị (gia đình không rõ tên đơn vị). Và cùng thời điểm đó, bác tôi lập gia đình. Khoảng cuối tháng 7-1954, toàn đơn vị của bác tôi chuyển quân ra Bắc. Vào tháng 8-1954, bà nội tôi ra thăm bác tôi, lúc đó đơn vị đang đóng quân tại Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau lần bà nội tôi ra Vinh thăm bác cho đến 30-4-1975, gia đình không nhận được thêm thông tin nào về bác tôi. Hơn 2 năm sau khi bác trai tập kết ra Bắc, vì mất liên lạc nên bà nội tôi đã đồng ý cho bác gái về nhà ba mẹ bác gái. Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, gia đình tôi mới nhận được thông tin từ Đoàn bay 919 là bác tôi đã hy sinh vào ngày 12-2-1968. Thú thật lúc nhận được giấy báo tử, tôi vẫn nuôi một hy vọng kéo dài suốt mấy năm sau đó rằng bác tôi vẫn còn sống và đang bị lạc đầu đó trong rừng sâu và có một ngày nào đó về lại với người thân đang ngóng đợi”.

Theo thông tin từ Đoàn bay 919, trong suốt cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước có tới hơn 20 tổ bay hy sinh, trong đó, chiến dịch Mậu Thân chính xác là có 5 tổ bay mất tích (trong đó có 4 tổ bay IL-14). Tổ bay mất tích chưa được nhắc tới trong các bài báo vừa rồi là tổ bay AH-2 đánh tàu chiến trên biển, bị rơi trên vùng biển Thanh Hóa. Việc tìm kiếm máy bay rơi trên biển bây giờ là một vấn đề quá khó khăn, có lẽ phải trông chờ đến sự phát triển của khoa học kĩ thuật, và Đoàn bay 919 đang chờ đợi có ngày tìm được hết để đón các đồng chí, đồng đội từ biển khơi trở về với đất mẹ.

Đồng chí Phạm Huy Vạn, Phó trưởng Đoàn bay 919 tâm sự rằng, có một chuyện chính ông cũng cảm thấy có lỗi: -“Hôm trước chị Mỹ Lai, em gái của liệt sĩ Trần Quang Thái, chiến sĩ nhảy dù đã hy sinh trong chuyến bay Tết Mậu Thân 1968 có thắc mắc tại sao anh trai chị không có tên trong tấm bia liệt sĩ của đơn vị, thực ra chúng tôi cũng mong muốn hoàn thiện để đưa các anh vào làm chủ. 12 chiến sĩ nhảy dù, bây giờ mới chỉ biết mỗi tên đồng chí Thái, còn 11 đồng chí nữa chúng tôi chưa biết rõ tên để đưa các anh vào bia đá. Cũng qua báo Quân đội nhân dân, mong bạn đọc khắp nơi, ai biết, mong thông tin cho chúng tôi để chúng tôi hoàn thiện tấm bia đá của đơn vị. 38 năm rồi, tên các anh chưa được đặt bên cạnh tên của đồng đội...”

- Nhưng năm trước, nhân dịp 45 năm thành lập, Đoàn bay 919, có dựng tượng đài 3 đồng chí là Anh hùng LLVT của Đoàn trước đây. Còn bây giờ, với những liệt sĩ của tổ bay cảm tử trong chiến dịch Mậu Thân, Đoàn bay có nghĩ tới việc dựng một tượng đài để tôn vinh sự hy sinh cao đẹp của họ?

- Việc dựng một tượng đài để tôn vinh, đó là điều hoàn toàn xứng đáng. Vấn đề này, trong cuộc họp vào tháng 9 tới của Đoàn bay 919, tôi sẽ đưa ra để bàn bạc kỹ. 38 năm qua, sự hy sinh của các đồng chí ấy vẫn luôn là một tượng đài trong lòng đồng đội của Đoàn bay 919 !

Qua đồng chí Đại tá Lê Hải Nhuận, Trưởng Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường, Trường cao đẳng Văn hóa-Nghệ thuật Quân đội, chúng tôi được biết thêm, có 2 liệt sĩ của đơn vị đồng chí Nhuận đã được anh và đồng đội mai táng ở những địa điểm

rất cụ thể. Đó là đồng chí Cược-người Hà Tĩnh và đồng chí Tường-người Ninh Bình (chỉ nhớ được tên mà không nhớ họ), họ đều là chiến sĩ Đoàn B24 thuộc Binh đoàn Hương Giang. "Không biết bây giờ họ đã được quy tập về hay chưa? Mà tôi nghĩ là chưa. Qua báo Quân đội nhân dân, nếu ai là thân nhân của các anh xin hãy liên hệ cùng tôi để đưa các đồng chí về quê hương như nguyện vọng của gia đình và đồng đội"-đồng chí Lê Hải Nhuận nói.



Xuân Thùy-Nguyên Vũ

Tìm kiếm từ ngày đến
Từ khoá Theo

[http //www quandoinhandan org vn](http://www.quandoinhandan.org.vn)

Hồi ức-Kỷ niệm

Sư đoàn trưởng và hai quả mìn

Ngày 18 tháng 08 năm 2005

Đại tá Trần Minh, nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn B15 (Quân khu 5), hiện nghỉ hưu tại phường An Hải Bắc (Sơn Trà, Đà Nẵng). Từ lời kể vẫn còn chưa đựng sự ngạc nhiên của các anh đã từng sát cánh cùng ông ở Sư đoàn B15 anh hùng "Thật kỳ lạ Cả hai lần "dính" mìn chống tăng, xe tan tành mà ông vẫn sống, tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu", tôi tìm đến gặp ông và nghe câu chuyện ông kể.

Sinh ra trên mảnh đất Quảng Nam-Đà Nẵng, lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, căm giận trước những hành động ngang ngược, tàn ác của bọn đế quốc cướp nước, cũng như hầu hết thanh niên yêu nước lúc đó, ông chọn con đường cầm súng đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược. Trưởng thành từ một chiến sĩ của phân đội BB1 (mặt danh R20-Mặt trận 4 Quảng Đà), Trần Minh đã tham gia nhiều trận đánh trên các chiến trường ác liệt trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975, ông có mặt trong đội hình sư đoàn 341 (Quân đoàn 4) cùng các đơn vị bạn đập tan hệ thống phòng thủ của địch ở Xuân Lộc, Hố Nai, Trảng Bom... tiến về giải phóng Sài Gòn. Vào các năm 1982 và 1986, hai lần Trần Minh được phân công về Sư đoàn B15 làm nhiệm vụ quốc tế tại Cam-pu-chia. Và trong thời gian chiến đấu trên đất bạn, ông đã hai lần được "độ sức" với... mìn chống tăng của địch.

Được hỏi về hai lần bị thương "nhớ đời" của mình, gương mặt cương nghị, dày dạn sương gió của người cựu Sư đoàn trưởng Sư đoàn B15 thoáng trầm ngâm: "Ngày 20-11-1986, chúng tôi đi trinh sát địa hình chuẩn bị cho trận đánh của đơn vị vào nông trường Na Va (Rát-ta-na-ki-ri, Cam-pu-chia). Do đường lầy nên chiếc Zin 131 đi rất chậm. Bỗng... ầm! Tôi bị văng ra khỏi xe, bất tỉnh. Lúc tỉnh dậy, thấy mình và anh em đều bị thương, còn phần trước của chiếc xe nơi tôi ngồi thì "nát bét"... Lần bị thương thứ hai là vào ngày 31-10-1987. Hôm đó, tôi cùng các cơ quan sư đoàn đi họp ở Mặt trận 579 (Sở chỉ huy tiền phương của Quân khu 5 giúp bạn Cam-pu-chia), chiếc xe Zin 131 lại vướng mìn chống tăng của địch. Cũng như lần trước, do sức ép nên cửa xe bên phải bật ra và tôi bị hất ra ngoài. Quả mìn phát nổ ngay phần trước của xe (nơi tôi, lái xe và phụ lái ngồi) làm cho đầu xe văng ra ngoài từng mảnh. Tôi bị thương ở ngực còn lái xe và phụ lái đều hy sinh...".

Trong chiến tranh thì việc bị thương, thậm chí hy sinh là điều không thể tránh khỏi và ai cũng có thể gặp phải, nhất là với các cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện của ta làm nhiệm vụ quốc tế trên đất nước Cam-pu-chia dày đặc bom mìn. Riêng trường hợp của đại tá Trần Minh có những điểm trùng hợp lý thú: hai lần ông về với Sư đoàn B15, hai lần bị thương do mìn chống tăng của địch khi đang làm nhiệm vụ trên xe Zin 131 và cả hai quả mìn đó đã không thể "quật ngã" được ý chí, nghị lực chiến đấu của người sư đoàn trưởng quả cảm này. Sau mỗi lần điều trị vết thương, ông tiếp tục trở lại chỉ huy Sư đoàn B15, cùng các đơn vị bạn hoàn thành nhiệm vụ quốc tế cao cả mà Đảng và Nhà nước ta giao phó.



Tần Chí

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

QUỐC PHÒNG - AN NINH

Nghệ thuật quân sự | Khoa học-kỹ thuật quân sự | Chính sách quốc phòng | Nhà trường
| Quốc phòng toàn dân | Xây dựng quân đội | An ninh

Đánh giá thực chất trình độ khai thác kỹ thuật mật mã của ngành cơ yếu Việt Nam

Ngày 23 tháng 08 năm 2005

Ngày 23-8, Ban Cơ yếu Chính phủ đã tổ chức hội thi kỹ thuật nghiệp vụ mật mã toàn quốc lần thứ 3. Đây là hội thi với quy mô lớn nhất từ trước đến nay của Ngành Cơ yếu Việt Nam. Đến dự, chỉ đạo hội thi có các đồng chí: Nguyễn Chiến, Trưởng ban Cơ yếu Chính phủ; Trung tướng Phạm Hồng Lợi, Phó tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tham gia hội thi có hơn 100 vận động viên, huấn luyện viên của 4 đoàn cơ yếu thuộc các hệ: Quân đội, Công an, Đảng-Chính quyền và Học viện kỹ thuật mật mã. Các vận động viên dự thi đều là những nhân viên tiêu biểu, đã đoạt giải cao từ các hội thi của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương. Các vận động viên phải trải qua các nội dung thi về Lịch sử truyền thống ngành Cơ yếu Việt Nam, nghiệp vụ cơ yếu, thực hành kỹ năng sử dụng các loại hình kỹ thuật mật mã và nhận thức về Pháp lệnh Cơ yếu, Nghị định của Chính phủ về quản lý nghiên cứu, sử dụng kỹ thuật mật mã bảo vệ thông tin bí mật Nhà nước. Ban Cơ yếu Chính phủ tặng cờ, bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất hội thi. Trong thời gian hội thi, Ban Cơ yếu Chính phủ còn tổ chức thi đấu giao hữu bóng chuyền, giao lưu giữa đoàn viên thanh niên với các vận động viên, liên hoan văn nghệ quần chúng và tham quan hoạt động nghiệp vụ ở nhà máy M2.



ĐÌNH XUÂN

Tìm kiếm từ ngày đến

Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

QUỐC PHÒNG - AN NINH

Nghệ thuật quân sự | Khoa học-kỹ thuật quân sự | Chính sách quốc phòng | Nhà trường
| Quốc phòng toàn dân | Xây dựng quân đội | An ninh

Hiệp đồng diệt tàu biệt kích

Ngày 27 tháng 08 năm 2005

Xẩm tối ngày 13-6-1966, cơ quan tác chiến của Bộ đội Hải quân cho biết, có 3 tàu biệt kích ở đông Đồng Hới 35 hải lý đi ra phía bắc. Khoảng 19 giờ 20 phút, phân đội thuyền máy 21 (hải quân) được lệnh rời vị trí neo đậu ở trong sông cơ động ra biển, phục kích tại Lạch Trào. Khoảng 22 giờ 15 phút, biên đội máy bay AN-2 thuộc đoàn không quân 919 từ sân bay Gia Lâm xuất kích. Cùng thời điểm, thuyền của ta cũng đã đến phía đông Sầm Sơn 10 hải lý, thả trôi chờ địch. Đến 23 giờ, máy bay ta bay đến cửa Lạch Giang. Lúc này tàu địch đã ở phía đông bắc phân đội 21, đang thẳng hướng về phía ta. Sở chỉ huy nhận địch tàu địch đã phát hiện thấy và đang hướng thẳng vào ta với tốc độ cao, nếu chờ máy bay ta đến đánh thì phải mất 7 phút mới tiếp cận được tàu địch. Trong khoảng thời gian đó, tàu địch đi được 3,5 hải lý. Như vậy tàu của phân đội 21 và tàu địch sẽ chỉ còn cách nhau khoảng 2 hải lý. Ban đầu địch dùng máy bay tiến công trước, sau đó tàu của phân đội 21 đánh bồi phát huy chiến quả. Mặc dù máy bay thả pháo sáng, nhưng ở trong khoảng cách này vẫn rất dễ nhầm lẫn mục tiêu giữa ta và địch. Ngay lập tức cách đánh được điều chỉnh theo hướng dùng tàu đánh trước rồi tạm ngừng, sau đó đưa không quân vào đánh tiếp. Sau khi quan sát thấy rõ 3 tàu địch đi theo đội hình bậc thang chạy vòng tròn quanh ta, cách khoảng 500 mét, ta giả như đang thả lưới rồi dùng lái xoay tàu chạy song song với tàu địch. Đợi chúng vào thật gần, ta tập trung hỏa lực nổ súng tiêu diệt. Với quyết tâm bắn chìm tàu địch ngay từ loạt đạn đầu, chỉ huy phân đội 21 chờ cho địch vào thật gần dưới 100 mét của địch bị thương lùi ra xa, thuyền ta liền chuyển hỏa lực vào tàu thứ nhất và tàu thứ ba. Đến khoảng 23 giờ 40 phút, ta và địch ngừng bắn. Tàu ta chủ động lùi ra xa, cách tàu địch khoảng 6km. Đúng 0 giờ 2 phút ngày 14-6, máy bay ta thả pháo sáng, đồng thời bắt đầu công kích tàu địch. Chỉ sau 4 phút nổ súng chiếc tàu thứ 3 của địch bị trúng đạn và bị chìm. Lúc này trên bầu trời khu vực tác chiến đã xuất hiện máy bay địch. Biên đội AN-2 không quân ta vòng lại cửa Đày rồi bay về căn cứ an toàn.

Trong trận này ta đã đánh chìm một tàu địch và đánh bị thương một tàu khác. Nhưng ý nghĩa hơn là, trận đánh cũng cho chúng ta nhiều bài học quý về hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, chu đáo về mọi mặt giữa hải quân và không quân. Bên cạnh đó là khả năng nắm tình hình, nhận định đúng âm mưu thủ đoạn của địch, chọn khu vực tác chiến có lợi, điều chỉnh nội dung hiệp đồng và việc tổ chức sử dụng lực lượng phù hợp.



HẢI MINH

Tìm kiếm từ ngày đến

Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

CHÍNH TRỊ

Lý luận | Xây dựng Đảng | Thanh niên | Phụ nữ | Công đoàn | Cựu chiến binh | Chính sách Hậu phương quân đội | Quan hệ quân dân | Kể chuyện truyền thống

Xé nát đội hình xe tăng địch cụm

Ngày 27 tháng 08 năm 2005

Rạng sáng ngày 9-4-1970, người dân ở thôn Thượng Trung (Hương Hoà, Quảng Trị) bỗng nghe rõ lên tiếng súng tiểu liên cùng những tiếng nổ dữ dội. Trên điểm cao 50 lửa sáng rực trời. Tiếng bom Mỹ la hét hoà lẫn tiếng trực thăng của địch bay phành phạch một cách bất lực trong trời đêm. Gàn sáng, tiếng súng chợt im bật, chỉ còn tiếng xích sắt xe tăng địch gầm rú, lờng lờng quấn nát các khu rừng lân cận. Nhưng đối tượng mà chúng cần tìm-những chiến sĩ giải phòng đã mát hút vào màn đêm yên lặng.

Đây là diễn biến của trận tập kích cụm xe cơ giới địch của đại đội 7, thuộc đoàn 300 trên chiến trường Quảng Trị trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Bước vào năm 1970, địch trên chiến trường Quảng Trị nói chung và khu vực Ái Tử, bến Than, bến Tràm nói riêng hoạt động khá mạnh. Trên trục đường chiến lược từ Ái Tử qua bến Than, bến Tràm chúng thường xuyên cho một tiểu đoàn cơ giới cơ động lùng sục, hòng phát hiện và tiêu diệt lực lượng của ta. Mỗi đợt hành quân, địch thường đi từ 2 đến 3 ngày, ban ngày chúng chia thành từng tốp nhỏ 2 đến 3 xe để tiến hành lùng sục. Ban đêm chúng cụm lại mỗi cụm từ 5-7 xe bố trí thành tuyến vòng tròn và không có công sự.

Tối 8-4-1970, sau khi cơ động đi lùng sục và không phát hiện ra lực lượng của ta chúng liền cơ cụm về điểm cao 50 để trú quân qua đêm. Cụm xe này có 11 xe bố trí thành 2 vòng tròn, giữa đội hình là xe chỉ huy và thông tin. Đại đội 7 được tăng cường lực lượng có nhiệm vụ tổ chức tập kích tiêu diệt cụm xe này. Sau nhiều ngày trinh sát bám địch, đại đội quyết định tập kích địch vào rạng sáng 9-4-1970. Sau khi tổ chức cắt rào, các mũi thực hành áp sát các mục tiêu. Quả đạn B41 đầu tiên trên mũi chủ yếu đồng thời cũng là hiệu lệnh nổ súng tiến công đã tiêu diệt ngay chiếc xe bên ngoài của địch. Trong 3 phút đầu tiên, địch tê liệt hoàn toàn, sau đó chúng mới điều chỉnh đội hình và bắn trả về hướng của ta. Lúc này trên các hướng ta đã tiêu diệt được 9 xe tăng và xe cơ giới của địch. Hai chiếc còn lại cơ cụm và lợi dụng địa hình để chống trả đội hình tiến công của ta. Đang chiến đấu, ta bỗng phát hiện từ hướng đông nam trận địa, một đội hình xe tăng địch đang cơ động lên để chi viện cho bọn ở điểm cao 50. Ta đưa ngay lực lượng dự bị vào chiến đấu và tiêu diệt thêm 7 chiếc xe nữa. Trời dần sáng, nhận thấy nếu tiếp tục chiến đấu sẽ không có lợi cho ta nên đại đội tổ chức lui quân. Trận này, ta tiêu diệt 16 xe tăng, xe cơ giới, bắn cháy 2 máy bay trực thăng, cùng 100 tên địch.

Đây là trận đánh đầu tiên của bộ đội Quảng Trị vào đội hình xe cơ giới địch đồng cụm. Trận đánh thu được hiệu suất chiến đấu khá cao và đã cổ vũ mạnh mẽ cho việc đánh địch khi chúng được trang bị vũ khí hiện đại. Trận đánh này còn cho thấy việc sử dụng lực lượng, lựa chọn mục tiêu, thời điểm tiến công địch và phương pháp xử lý tình huống của đại đội 7 là rất chính xác. Tuy nhiên việc trinh sát nắm địch chưa sâu vì vậy khi lực lượng chi viện của địch thực hành phản kích thì ta mới phát hiện ra. Nếu như nắm chắc lực lượng này ngay từ đầu thì chắc chắn sẽ có kế hoạch để xử lý và như vậy trận đánh sẽ thu được thắng lợi toàn vẹn hơn.



PHAM THANH TÂM

Tìm kiếm từ ngày đến
 Từ khoá Theo

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

CHÍNH TRỊ

Lý luận | Xây dựng Đảng | Thanh niên | Phụ nữ | Công đoàn | Cựu chiến binh | Chính sách Hậu phương quân đội | Quan hệ quân dân | Kể chuyện truyền thống

Chuyến bay tiến biệt Bác Hồ

Ngày 02 tháng 09 năm 2005

Ngày 9-9-1969, trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi đồng chí Lê Duẩn vừa dùng lời *Điều vẫn*, bỗng xuất hiện 6 biên đội Mig 17 và Mig 21 bay trên bầu trời Quảng trường Ba Đình. Ngẩng nhìn 24 máy bay (tượng trưng cho 24 năm (1945 - 1969) đất nước giành được độc lập) bay theo một đội hình đúng vào lúc cả nước lặng đi trong giờ phút tiến biệt.

Ngay sau ngày Bác mất, Bộ tư lệnh Không quân đã nhận được nhiệm vụ cấp trên giao: Tổ chức đội hình bay tiến biệt Bác Hồ trong Lễ truy điệu. Đoàn bay Yên Thế được giao chuẩn bị 12 chiếc Mig 17, đoàn bay Sao Đỏ chuẩn bị 12 chiếc Mig 21. Thời gian bay chỉ có cơ quan tham mưu và thủ trưởng đơn vị biết trước, bộ phận bay chỉ biết rằng thời gian rất gấp.

Theo nhiệm vụ được phân công: Mig 17 và Mig 21, mỗi loại máy bay hình thành 3 biên đội bay theo đội hình hàng dọc. Mig 17 sẽ bay trước, sau 30 đến 40 giây là Mig 21. Điều đặc biệt quan trọng là đội hình bay phải bay qua Quảng trường khi đồng chí Lê Duẩn vừa đọc xong *Điều vẫn* chừng 5 đến 10 giây.

Đêm 4-9-1969, kế hoạch huấn luyện và đường bay theo nhiệm vụ trên được thông qua và luyện tập ngay vào ngày hôm sau. Đây thực sự là một vinh dự nhưng trách nhiệm cũng thật nặng nề đối với đoàn bay Yên Thế và Sao Đỏ. Bay với đội hình lớn như vậy là điều chưa có tiền lệ. Song với lòng biết ơn sâu sắc Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, bộ đội Không quân quyết tâm hợp luyện, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Khó khăn nhất là luyện tập sao để sau khi cất cánh có đủ thời gian tập hợp được đội hình lớn trước khi bay qua Ba Đình. Sau nhiều phương án, cuối cùng đã chọn Yên Phong (Bắc Ninh) làm khởi điểm để bay lên Trại Cau (tỉnh Bắc Thái cũ) sau đó vòng về Ba Đình. Vì công tác giữ bí mật nên luyện tập chỉ được bay đến sông Đuống là phải vòng lại.

Sau mỗi chuyến bay tập, đội bay lại tổ chức rút kinh nghiệm để xây dựng thời gian chuẩn.

Trong những ngày huấn luyện, các sĩ quan dẫn đường đã ghi chép - đăng ký tỉ mỉ thời gian của từng giai đoạn để hợp luyện. Điều khiến các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy và toàn thể kíp bay lo lắng nhất vẫn là: Làm sao để bay qua Ba Đình đúng ngay sau lời điệu của đồng chí Lê Duẩn, vừa lúc lời thề của quần chúng nhân dân vang lên trên Quảng trường. Thời gian, chương trình buổi lễ và nhất là độ dài của bài *Điều vẫn* ra sao, bí mật đó không ai được biết. Lúc giao nhiệm vụ cho hai Đoàn bay, Tư lệnh Phùng Thế Tài cũng rất băn khoăn lo lắng.

Tối ngày 7-9-1969, Tư lệnh Phùng Thế Tài mới nhận được kế hoạch buổi lễ và nội dung bài *Điều vẫn*. Ngay lập tức, ông chuyển đến hai Đoàn bay. Hai đơn vị tổ chức đọc thử để tính toán thời gian đọc hết bài *Điều vẫn*. Thời gian chỉ còn một ngày hợp luyện cuối cùng. Nhưng có một tình huống mà không ai lường trước: vì thương tiếc Bác Hồ, đồng chí cán bộ tuyên huấn đọc bài *Điều vẫn* cứ vừa đọc vừa khóc khiến cho thời gian thật sự không sao tính được. Thay người khác đọc, vẫn khóc! Tất cả những người ngồi nghe cũng xúc động nên đành chấp nhận định ra một khoảng thời gian tương đối.

Ngày hôm sau, chuyến bay hợp luyện cuối cùng được thực hiện mà không tìm được khoảng thời gian đọc bài *Điều vẫn* một cách chính xác. Tư lệnh Phùng Thế Tài rất không hài lòng về chuyện ấy. Nhưng được báo cáo nguyên nhân do người đọc không nên được xúc động, ông ngồi lặng đi, không nói thêm gì nữa. Sau đó, ông mới hỏi đến phương pháp xử lý...

Ngày 9-9-1969, trong niềm tiếc thương vô hạn của toàn Đảng, toàn dân, đúng giờ G, đồng chí Lê Duẩn vừa đọc xong lời điệu, quảng trường vang lên lời thề quét sạch lũ xâm lược và bẻ lư tay sai, thống nhất non sông về một mối, "xây dựng đất nước ta đáng hoàng hơn, to đẹp hơn" như ý nguyện của Bác trước lúc đi xa thì trên bầu trời vang lên tiếng động cơ. Dẫn đầu đội hình là 12 chiếc Mig 17, những cánh bay đầu tiên bảo vệ bầu trời Tổ quốc.

Đại tá TẠ QUỐC HƯNG kể,
HỒNG HẢI ghi

 TOP

Tìm kiếm từ ngày đến
Từ khoá Theo **Tiêu đề**

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

CHÍNH TRỊ

Lý luận | Xây dựng Đảng | Thanh niên | Phụ nữ | Công đoàn | Cựu chiến binh | Chính sách Hậu phương quân đội | Quan hệ quân dân | Kể chuyện truyền thống

Xuôi ngược thời gian: Ký ức tuổi hai mươi

Ngày 24 tháng 09 năm 2005

Sau chiến thắng Đường 9-Nam Lào (3-1971) chúng tôi trở thành những chiến sĩ đoàn C68 quân tình nguyện, hoạt động trên địa bàn 4 tỉnh Nam Lào là Sê Kông, Sa-ravan, Chăm Pa-xác và Át-ta-pư. Trong chiến dịch chống địch lấn chiếm nhằm đi tới một giải pháp chính trị ở Lào kéo dài 128 ngày đêm (từ 18-10-1972 đến 22-2-1973), đoàn C68 cùng các đơn vị bạn đã lập công giòn giã, bảo vệ vững chắc hai địa bàn chiến lược ở Nam Lào là thị xã Sa-ra-van và thị trấn Pắc Xông. Góp phần vào chiến công chung đó, tiểu đoàn 84 pháo cao xạ đã bắn rơi 21 máy bay Mỹ, trong đó đại đội pháo 23mm của chúng tôi bắn rơi 8 chiếc...

Suốt trong những năm làm nhiệm vụ quốc tế ở Nam Lào, chúng tôi luôn nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình của nhân dân các bộ tộc Lào, trong đó có sự quan tâm của cán bộ lãnh đạo các cấp của nước bạn.

Đầu năm 1974, một đoàn cán bộ cao cấp Quân Giải phóng nhân dân Lào do đồng chí Tổng Tham mưu trưởng dẫn đầu, trong lần đi thăm và kiểm tra các đơn vị bộ đội Pa Thét Lào, đã đến thăm trận địa chúng tôi. Sau khi đến thăm từng khẩu đội và nghe chỉ huy đại đội báo cáo công tác sẵn sàng chiến đấu của đơn vị, ông đã nói chuyện thân mật với chúng tôi bên hầm pháo của khẩu đội 2. Ông nói chuyện bằng tiếng Việt và chúng tôi-những chiến sĩ trẻ chỉ bằng tuổi con ông, đã hết sức xúc động khi nghe những lời chỉ bảo ân cần của ông. Những năm sau này, chúng tôi được biết thêm: Vị chỉ huy đến thăm chúng tôi ngày ấy chính là đồng chí Khăm Táy Xi-phăn-đon, hiện là Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Điều đáng nhớ là trong một năm rưỡi (từ 4-1973 đến 10-1974) làm nhiệm vụ ở đây, đã có 18 chiến sĩ trẻ trong đại đội chúng tôi được kết nạp vào Đảng ngay trên chính quê hương Chăm Pa-xác của Chủ tịch Khăm Táy Xi-phăn-đon.

Đầu năm 1975, khi phần lớn lực lượng của đoàn C68 về nước tham gia chiến dịch Tây Nguyên, trung đoàn 39 được giao nhiệm vụ đứng chặn tại Nam Lào, phối thuộc với lực lượng vũ trang bạn, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng. Cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 39 chúng tôi lại được đón đồng chí Xa măn-vi-nha-khệt, Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân khu 23 (Quân khu Nam Lào) đến thăm và nói chuyện. Ông quê ở tỉnh Át-ta-pư, hiện ông là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng NDCM Lào, Chủ tịch Quốc hội nước CHDCND Lào.

Hơn ba mươi năm đã trôi qua, phần đông chúng tôi đã trở về với cuộc sống đời thường. Nhưng những kỷ ức đẹp của tuổi 20 thì vẫn sống mãi cùng thời gian như những may mắn hiếm có trong đời. Và cùng với đó là lòng biết ơn vô hạn của những Cựu chiến binh quân tình nguyện chúng tôi đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào đã chở che, đùm bọc chúng tôi suốt những năm hai dân tộc cùng nhau sát cánh chung một chiến hào.

TOP

Lê An Khánh

Tìm kiếm từ ngày đến

Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

QUỐC PHÒNG - AN NINH

Nghệ thuật quân sự | Khoa học-kỹ thuật quân sự | Chính sách quốc phòng | Nhà trường
| Quốc phòng toàn dân | Xây dựng quân đội | An ninh

Bay trước cơn bão lớn

Ngày 25 tháng 09 năm 2005

Nhận bộ phao cứu sinh và dù cứu hộ, tôi bước lên chiếc máy bay AN-26 số hiệu 267 cùng phi hành đoàn thuộc phi đội 1, đoàn không quân C18 (Quần chúng Phòng không-Không quân) làm nhiệm vụ thông báo bão trên vùng biển từ Quảng Ninh đến Quảng Bình. Chuyến bay dài, đường bay xa, lại hoạt động trong điều kiện thời tiết phức tạp, vì vậy, nhiệm vụ của tổ lái khá nặng nề.

Hơn 8 giờ sáng 25-9 tại sân bay Gia Lâm tiếng động cơ của máy bay AN-26 nổ vang. Chỉ sau ít phút, những làn què thanh bình, những con sóng như dải lụa mềm đã khuất lại phía sau. Chúng tôi bay trên vùng biển Đông Bắc với điểm đầu đầu tiên là không phận đảo Hạ Mai, trong khu vực quần đảo Long Châu. Thời tiết khá tốt nên chúng tôi quan sát được bằng mắt thấy nhiều tàu thuyền đang hướng mũi quay vào bờ. Có lẽ được dự báo sớm và nhờ các biện pháp tích cực của Ủy ban quốc gia tìm kiếm-cứu nạn, Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão và chính quyền các địa phương, nên chủ các phương tiện và ngư dân chấp hành rất nghiêm túc. Từ độ cao hơn 1000m, qua quan sát bằng ra-đa, phi hành đoàn không phát hiện có các tàu hướng mũi ra khơi. Cơ trưởng, trung tá Đào Xuân Chính cho biết: Nhiệm vụ của chuyến bay là thông báo bão, nên khi phát hiện được tàu thuyền ra khơi, chúng tôi sẽ bắn phao hiệu, yêu cầu quay vào bờ. Theo thông báo của cơ quan khí tượng thủy văn và các quan chức năng, bão số 7 là cơn bão mạnh, có sức gió cấp 10, 11, giật trên cấp 11, 12, vì vậy việc thông báo bão, kêu gọi tàu thuyền vào bờ tránh bão rất khẩn cấp để nhằm tránh những thiệt hại về người và tài sản ở mức thấp nhất.

Hành trình của chuyến bay theo đường bay đã được Bộ tư lệnh Quân chủng phê duyệt, trong đó có các điểm chính là đảo Hạ Mai, Hòn Mê, Hòn Mát. Kỹ thuật viên dẫn đường, trung tá Bùi Hữu Tương trải rộng bản đồ trước mặt, đo đạc cự ly, hướng bay rồi chỉ cho tôi điểm đầu đảo Hòn Mê. Bỗng máy bay nghiêng hẳn về một bên, rồi chóng chành, tiếng động cơ như một to hơn. Biển vẫn xanh ngắt một màu. Anh Tương bảo, máy bay hạ thấp độ cao xuống khoảng 800m để quan sát cho rõ hơn. Vùng biển bắc Trung bộ nhiều mây hơn, gió mạnh nên tầm nhìn hạn chế. Chỉ có những phi công và kỹ thuật viên dày dặn kinh nghiệm, có trình độ cao mới thực hiện tốt những chuyến bay như thế này. Anh Tương quê ở Thanh Hà, Hải Dương, nhập ngũ năm 1977. Qua câu chuyện được biết, mặc dù đây là chuyến bay báo bão đầu tiên, nhưng phi đội anh nhiều năm đạt loại giỏi trong huấn luyện bay biển. Anh Tương rất chịu khó học tập, tích lũy kinh nghiệm bay, vì công việc dẫn đường trên biển rất phức tạp, máy bay thường xuyên phải bay ở độ cao thấp, khí quyển không đồng nhất... Các bài bay biển, bay tìm kiếm tàu trên biển được phi đội luyện tập thuần thục và áp dụng tốt trong thực hành nhiệm vụ.

Máy bay tiếp tục bay trên biển. Trung tá, cơ trưởng Đào Xuân Chính thông báo, phi hành đoàn đang làm nhiệm vụ cách bờ biển 50 đến 60 hải lý. Khi phát hiện tàu thuyền của ngư dân ra khơi, máy bay sẽ hạ thấp độ cao xuống khoảng 300m-500m để bắn phao hiệu. Bay báo bão khác với những chuyến bay huấn luyện hay làm nhiệm vụ thông thường vì phải xử lý các tình huống nhiều hơn do điều kiện thời tiết, tốc độ gió. Khi phi đội anh nhận nhiệm vụ đêm 24-9, chỉ sau hơn 30 phút, toàn bộ phi hành đoàn đã làm xong công tác chuẩn bị, chờ lệnh bay. Anh Chính, không chỉ là cơ trưởng có hơn 2000 giờ bay mà còn là phi đội trưởng phi đội 1. Anh đã tham gia các chuyến bay làm nhiệm vụ phòng chống lụt bão năm 1999 ở miền Trung và bay biển Trường Sa. Mời đây nhất, phi đội 1 đã cử phi hành đoàn do trung tá Chu Văn Hải làm cơ trưởng làm nhiệm vụ báo bão trước kì cơn bão số 6 đổ vào cùng ven biển các tỉnh Bắc Bộ và bắc Trung Bộ. Sau chuyến bay này, phi đội đã tổ chức bình bay, rút kinh nghiệm, giúp xử lý tốt các tình huống trên không khi làm nhiệm vụ bay báo bão cơn bão số 7.

Sau hơn 2 giờ bay trên không trong điều kiện thời tiết phức tạp, gió mạnh, tầm nhìn hạn chế, phi hành đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Gặp lại những nụ cười tươi tắn của các phi hành viên như thượng tá Đinh Lâm Tuấn, cơ giới trên không, thượng tá Trần Văn Chính, thông tin và trung tá Nguyễn Quốc

Khánh, phó cơ trưởng, chúng tôi càng tin tưởng hơn ở bản lĩnh và trình độ của tổ bay. Các anh không chỉ SSCĐ, huấn luyện giỏi mà còn thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bão, lụt, tìm kiếm-cứu nạn trên biển rất hiệu quả.



ĐÌNH XUÂN

Tìm kiếm từ ngày : đến : Từ khoá Theo **Tiêu đề** <http://www.quandoinhandan.org.vn>

KỶ SỰ - PHÒNG SỰ

Tìm hài cốt đồng đội trên đất bạn

Ngày 26 tháng 09 năm 2005

Gần 20 năm, sau khi hoàn thành nghĩa vụ Quốc tế trở về Tổ quốc, hôm nay tôi cùng đoàn công tác trở lại đất nước Chùa Tháp anh em tìm đồng đội hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Cam-pu-chia. Trên đoạn đường từ cửa khẩu Lệ Thanh, Đức Cơ (Gia Lai) qua Ban Lung rồi đến Stung-treng, PRÉT-vi-hia khoảng 370km. Hai bên đường, những vườn đào lộn hột (điều) xanh tốt sai trĩu quả. Những cánh rừng khộp nguyên sinh, bạt ngàn cây to cao thẳng đứng, trên địa hình bằng phẳng trông cứ như tranh vẽ; Các phum (bản, làng) những ngôi nhà sàn ghép gỗ 3 mái (nét văn hóa chùa chiền ở Cam-pu-chia), ngôi đồ mới. Đời sống nhân dân ở đây thay đổi rất nhiều. Đến vị trí đội K52 (đơn vị chuyên đi tìm hài cốt liệt sĩ ở Cam-pu-chia) đứng chân bên bờ sông Sê-pôn, Stung-treng đã hơn 8 giờ tối mà trời còn rất nóng, bộ đội mới tắm xong, sau một ngày qua bao vùng rừng núi vất vả kiếm tìm đồng đội.

Tâm sự với chúng tôi, đồng chí thiếu tá Võ Hương, đội phó chính trị cho biết: Mặc dù đã cuối mùa khô nhưng thời tiết ở đây rất nắng nóng. Nhiệt độ trung bình trong các ngày từ 38 đến 40 độ. Địa hình phức tạp lắm sông, nhiều rừng. Đường đi tìm kiếm ngày càng xa. Để tìm được 587 hài cốt (bồn đọt) của các liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Cam-pu-chia về nước, cán bộ chiến sĩ đội K52 phải vượt qua không biết bao nhiêu khó khăn gian khổ. Những cánh rừng khộp trông đẹp thế nhưng cũng thật là gian nan. Khi bộ đội đi tìm hài cốt ở những nơi xa nguồn nước uống đã nhiều lần anh em phải nằm tạm nước mắm, nhai lá me chua cho đỡ cơn khát và ăn thức ăn khô để lặn về đơn vị. Bên cạnh đó, bom đạn chiến tranh còn lại rất nhiều, trên các địa bàn mà đơn vị tìm kiếm. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chỉ cần một động tác sơ suất nhỏ là ảnh hưởng đến tính mạng. Hôm đầu tháng 4 người đồng Sê-pôn lên kiếm tìm hài cốt liệt sĩ ở phía tây bắc Stung-treng, lúc về trời tối, không may gặp dòng nước xoáy, ca-nô bị lật, quần áo, trang bị trôi hết. Các anh chỉ kịp ôm chặt những bộ hài cốt của đồng đội mới tìm được và cứ thế mặc cho dòng nước cuộn cuộn chảy, người lạnh vì ướt hết quần áo, các anh vẫn vui vẻ ngồi bên hài cốt các liệt sĩ cho tới sáng mới tìm được ca-nô về nơi tập kết...

Được tin chúng tôi mới sang, ngài Óc-mô-ny, Tỉnh phó thứ nhất tỉnh Stung-treng cùng với các quan chức chính quyền địa phương đến thăm và thắp hương tưởng niệm các liệt sĩ. Trao đổi với chúng tôi, ông cho biết: "Sau khi đã có chủ trương của hai nhà nước về phối hợp tìm kiếm hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh ở Cam-pu-chia, chúng tôi tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh em đội K52 trong việc tìm kiếm, qui tập. Nhìn những đồ vật còn sót lại của các liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh vì sự nghiệp quốc tế cao cả như giày, dép, bằng tên... chúng tôi xúc động quá. Chúng tôi đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân các địa phương tìm và chỉ vị trí an táng các liệt sĩ. Mong sao cán bộ, chiến sĩ đội K52 tìm kiếm đầy đủ, nhanh chóng đưa các liệt sĩ trở về với Tổ quốc Việt Nam. Nhân dân Cam-pu-chia biết ơn bộ đội Việt Nam nhiều lắm".

Đêm về khuya, dòng sông Sê-pôn lặng yên. Chỉ còn những con sóng nhẹ vỗ. Khói hương trầm thoang thoảng. Ký ức chiến tranh và bao kỷ niệm trong thời gian làm nhiệm vụ quốc tế trên đất bạn trở dậy. Không ngủ được, tôi lại cùng Sinh, cán bộ trong đội ngồi trò chuyện. Sinh kể nhiều kỷ niệm khó quên trong quá trình tìm kiếm, cất bốc hài cốt liệt sĩ. Anh cho biết, ấn tượng sâu đậm nhất đối với anh là hình ảnh ông già Khum-sai 80 tuổi ở phum Kiê, Khum Xiêm Hốp chống gậy đi hơn 20km dẫn đường chỉ vị trí mộ liệt sĩ cho anh em trong đội tìm kiếm (có đoạn cụ mệt quá anh em mình nắn nỉ mãi cụ mới chịu lên võng để bộ đội Việt Nam khiêng đi). Còn nhiều chuyện, nhiều kỷ niệm khó quên xung quanh nhiệm vụ tìm kiếm, qui tập hài cốt liệt sĩ. "Có hôm ba, bốn ngày, cả đơn vị chia nhau đi tìm khắp các cánh rừng và những nơi mà theo người dân sở tại có hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh. Tìm mãi, tìm mãi, những nhát cuốc, những cái hồ sâu thăm đẫm mồ hôi, công sức của cán bộ, chiến sĩ đội K52 ngày một nhiều thêm mà không hề thấy một dấu vết nào của xương máu đồng đội yên nghỉ. Có lúc tưởng chừng như thất vọng về không. Thế nhưng, buổi tối cuối cùng, sau bữa cơm chia tay bá con địa phương để chuyển vị trí đến nơi khác, Thiếu tá Võ Hương nắm

ngủ mơ thấy dưới gốc cây đầu võng anh nằm có các liệt sĩ... Không ngủ được, dậy sớm, Hương thắp nén hương thơm, lòng nguyện cầu được tìm thấy hài cốt của các liệt sĩ. Và, một niềm vui lớn đến với anh em trong đội, sau hai giờ đồng hồ họ đã tìm được 7 bộ hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam cùng với nhiều hiện vật còn lại như: bị đồng, giày dép cao su, mẩu hộp tiếp đạn bị hoen gỉ và đặc biệt lần này các anh còn phát hiện có một hài cốt liệt sĩ nữ vì bộ xương của chị còn như nguyên vẹn và hành lý của chị còn một đôi dép nhựa Tiên Phong nữ, một cái lược ngà màu đen... Và còn nhiều chuyện cùng với bao nhiêu hình ảnh khác nữa, nghĩa tình nhân dân Cam-pu-chia dành cho bộ đội Việt Nam, đặc biệt là dành cho các liệt sĩ tình nguyện mãi mãi trong sáng, mãi mãi vẹn nguyên.

Ngày hôm sau, sau khi chuẩn bị cơm nước và thắp hương sáng cho các liệt sĩ như thường lệ, chúng tôi cùng đoàn đi về phum Sê-vet, huyện Sê-san. Đi khoảng 25km theo hướng tây bắc, mà theo anh Khum Sa Vệt cho biết thì ở đó có khoảng 40 mộ liệt sĩ. Đến nơi đã hơn 10 giờ, sau khi cùng nhân dân địa phương xác định lại vị trí, cán bộ, chiến sĩ trong đội bắt tay ngay vào công việc kiểm tìm luôn. Bác Khum Pô (người dân địa phương ở phum) cho biết: Các ngôi mộ này là của các liệt sĩ lúc đầu bị thương trong kháng chiến chống Mỹ năm 1970 - 1972 điều trị ở Viện quân y gần đó (cạnh nhà ông) nhưng do vết thương nặng anh em đã hy sinh và an táng ở đây. Lúc đó trưởng bệnh viện là bác sĩ Trần Mạnh, bác sĩ Trần Mạnh giỏi lắm, đã khám và chữa bệnh cho nhân dân, cho gạo để nhân dân làm nương rẫy sinh sống và chạy lánh nạn. Ông còn tìm thức ăn bổ dưỡng cho trẻ em còi và các cụ già... Nhân dân phum Sê-vet đời đời biết ơn bộ đội Bắc Hồ, biết ơn các liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam, biết ơn bác sĩ Trần Mạnh. Nếu bây giờ bác sĩ Trần Mạnh còn sống, nhân dân phum Sê-vet mời bác sĩ sang thăm để có điều kiện tạ ơn bác...

Xế trưa, trời nắng như đổ lửa. Cán bộ, chiến sĩ đội K52 vẫn tích cực tìm kiếm trong lòng đất, hy vọng sớm tìm được hài cốt của đồng đội, đưa các anh trở về với gia đình, quê hương và đất nước. Tất cả đều có chung tình cảm và trách nhiệm, cùng thề hứa sẽ hoán thành nhiệm vụ cao cả mà Đảng và nhân dân giao phó: tìm kiếm, cất bốc, hồi hương các hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Cam-pu-chia về nước.

TOP

Lê Quang Hồ

Tìm kiếm từ ngày đến

Từ khoá

Theo Tiêu đề

Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

QUỐC PHÒNG - AN NINH

Nghệ thuật quân sự | Khoa học-kỹ thuật quân sự | Chính sách quốc phòng | Nhà trường
| Quốc phòng toàn dân | Xây dựng quân đội | An ninh

Văn hóa quân sự: Tọa sơn quan hổ đấu

Ngày 30 tháng 09 năm 2005

Về nghĩa đen "**Tọa sơn quan hổ đấu**" là "ngồi trên núi xem hổ quần nhau". Thế nhưng ý nghĩa của nó đâu chỉ có vậy. "Ngồi trên núi xem" là chỉ bên thứ ba, bên đứng ngoài cuộc quan sát và lợi dụng sự đụng đầu của hai bên, tức "hổ quần nhau" để kiếm lợi. Sự quần nhau càng dữ, sự thiệt hại hai bên càng lớn thì sự thu lợi của bên thứ ba càng nhiều. Trong chuyện ngụ ngôn con trai và con cò tranh nhau mà ngẫu nhiên ngồi không, ngư ông còn thu lợi là bất được cả đôi con vật hưởng chi trong chiến tranh. Ở đây, người ta cố tình gây ra sự xung đột của hai bên để từ đó mà giành chiến lợi phẩm.

Ngay từ thời Xuân Thu-Chiến Quốc, cách đây 2700 năm, "Tọa sơn quan hổ đấu" đã xuất hiện trong lịch sử quân sự Trung Hoa. Chỉ xin nêu hai thí dụ dưới thời Tam Quốc (220-280).

Thứ nhất là hành động của Khổng Minh sau hội chiến Xích Bích (208), một hội chiến, liên quân Ngô Thục đánh bại quân Ngụy. Sau hội chiến, cục diện ba nước Ngụy, Thục, Ngô đã được xác định. Trong trận đồ sức lớn này, người thất thiệt lớn nhất là Tào Tháo, người hao tổn lớn nhất là Tôn Quyền, còn người thu hoạch lớn nhất lại là Lưu Bị. Dĩ nhiên, người thay mặt Lưu Bị, điều khiển công việc là Khổng Minh. Ở đây, ông đã liên tiếp hai lần bày mưu để quân Ngụy và quân Ngô lao vào cuộc chiến còn quân Thục đứng ngoài nhưng lại thu được lợi lớn. Lần đầu, ông để cho lực lượng hai bên quần nhau bên thành Nam Quận. Quân Ngô thu trận phải rút về nhưng quân Ngụy ít nhiều cũng bị sút mẻ. Lợi dụng tình thế, Khổng Minh dùng sức mạnh áp đảo, đành chiếm tòa thành này. Lần sau, lợi dụng lúc quân Ngô tổ chức trận đánh phục thù, quân Ngụy điều lực lượng khôi hai thành Kinh Châu và Tương Dương đi đối phó, Khổng Minh lại cho quân đến đánh chiếm hai tòa thành bỏ trống. Như vậy là từ chỗ không có đất đứng chân, sau hội chiến Xích Bích, lợi dụng hai bên Ngô, Ngụy lao vào cuộc chiến, Lưu Bị đã dễ dàng chiếm được ba tòa thành.

Thứ hai là khi liên minh Ngô-Thục bị phá vỡ, nghĩa là giữa hai nước, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra chiến tranh. Tình thế này đối với Ngụy, ở bên thứ ba, là rất hiếm có. Ngụy có thể liên minh ngay với bất cứ một bên nào để tiêu diệt phía bên kia. Đây là thời cơ mà cả đời Tào Tháo trông đợi nhưng khi nó đến, ông đã qua đời. Cơ may đã lưu lại cho con trai là Tào Phi. Vừa mới xưng vương, Tào Phi lúng túng, không đưa ra được một quyết sách gì. Thấy thế, quân thần nhắc nhở: "*Ngô, Thục đánh nhau là trời diệt họ. Nay ta cho quân tiến đánh Ngô, kết hợp với quân Thục, chắc chắn trong một thời gian ngắn sẽ san bằng đất nước này. Ngô đã bị diệt. Thục sẽ bị cô lập. Sao bệ hạ không tính đến việc đó?*" Tào Phi trả lời: "*Tôn Quyền vừa lấy lễ thần phục trẫm, nếu đành lại ông ta sẽ làm nản lòng người muốn hàng trong thiên hạ*". Trên quan hệ Ngô-Thục, Tào Phi thực hiện chủ trương không giúp bên nào mà hòng "ngồi trên núi xem hổ quần nhau". Kết quả, quân Ngô đánh thắng quân Thục tại Hào Đình. Lúc đó, Tào Phi mới hạ lệnh xuất quân nhưng thời cơ đã mất. Thừa thắng, quân Ngô đánh lui tất cả ba cánh đại quân Ngụy.

Trong lịch sử quân sự thế giới, người ta không gọi đích danh cụm từ này nhưng hành động của nó lại có nội dung y hệt.

Thái độ của phe đồng minh đối với Liên Xô trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945) là như thế, nghĩa là muốn để cho phát xít Đức quần nhau với Liên Xô còn họ đứng ngoài hưởng lợi. Chẳng hạn từ ngày 1-9-1939-ngày mở đầu Chiến tranh thế giới lần thứ hai-đến ngày 22-6-1941-ngày phát xít Đức bất ngờ tiến đánh Liên Xô-các nước Mỹ-Anh đã nhân nhượng, "bật đèn xanh" cho phát xít Đức lần lượt tiến đánh 9 nước châu Âu (Ba Lan, Na Uy, Đan Mạch, Bắc Pháp, Bỉ, Hà Lan, Luc-xăm-bua, Nam Tư, Hy Lạp), thông trị phần lớn lục địa châu Âu, vơ vét các nguồn dự trữ của các nước này nhằm phục vụ cho việc chuẩn bị xâm lược Liên Xô. Thậm chí khi phát xít Đức đã tiến quân vào lãnh thổ Liên Xô, mặc dù Liên Xô đã nhiều lần đề nghị phe Đồng Minh mở "mặt trận thứ hai" ở châu Âu để "san sẻ gánh nặng" chiến tranh nhưng vẫn không được đáp ứng. Trong thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh Xô-Đức, âm mưu thâm độc của Mỹ-Anh là nhằm làm cho Liên Xô bị suy yếu dần vì phải một chọi một với kẻ thù. Khi cần

thiết, họ sẽ lợi dụng triệt để phần kết quả do những nỗ lực của Hồng quân tạo nên. Mãi đến tháng 6-1944, khi thấy lợi nhuận đã hé mở từ trong cuộc chiến, Đồng Minh mới thực hiện cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi, miền tây bắc nước Pháp, hòng "dây máu, ăn phần" nghĩa là hơn một năm sau chiến thắng Xta-lin-grát (tháng 2-1943) và chiến thắng Cuốc-xơ (tháng 8-1943), khi mà các lực lượng vũ trang Xô-viết đã nắm chắc quyền chủ động chiến lược đối với quân xâm lược Đức. Bước ngoặt cơ bản trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại và trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, có lợi cho Liên Xô và cho liên minh chống phát xít, đã được tạo dựng vững vàng. Những điều kiện để chuyển Hồng quân sang tổng tiến công trên phần lớn mặt trận Xô-Đức đã chín muồi.

Hay như sau khi đánh tan quân phát xít Đức ở châu Âu, Liên Xô đã tuyên chiến ngay với bọn quân phiệt Nhật ở châu Á. Và chỉ trong vòng 24 ngày (từ 9-8 đến 2-9-1945) Hồng quân đã tiêu diệt hoàn toàn đội quân Quan Đông. Trước tình hình đó, ngày 6 và ngày 9-8-1945, Mỹ vội ném hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hi-rô-xi-ma và Na-ga-da-ki để gây lợi thế trong cục diện chính trị thế giới và tạo uy thế răn đe.



Dương Xuân Đồng

Tìm kiếm từ ngày : đến
 Từ khoá Theo Tiêu đề Search

<http://www.quandoinhandan.org.vn>

“Chất” học sinh miền Nam (*)

Ngày 02 tháng 11 năm 2004

Trong số hơn hai vạn học sinh miền Nam được Đảng, Bác Hồ và nhân dân miền Bắc đùm bọc, chăm sóc, nuôi dạy đang đóng góp sức lực và trí tuệ để xây dựng đất nước Việt Nam anh hùng trên mọi mặt trận, mọi miền của đất nước phải kể đến các đồng chí đã tham gia lực lượng vũ trang, nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

Các anh, các chị học sinh miền Nam đã tham gia lực lượng vũ trang trong nhiều trường hợp khác nhau. Nhưng đối với tôi, điều đáng ghi nhớ nhất là những học sinh đã tham gia Binh chủng Không quân Việt Nam anh hùng (nay là Quân chủng Phòng không-Không quân) như các liệt sĩ Đồng Văn Đe phi công lái máy bay MIG 21 (em ruột anh Đe là Đồng Văn Ba cũng là người dẫn đường trên không, đều là con của Trung tướng Đồng Văn Cống, Tổng thanh tra Quân đội nhân dân Việt Nam). Liệt sĩ Ngô Đoàn Nhung, người đã bắn rơi chiếc trực thăng bên bầu trời Hòa Bình trong biên đội Trần Hanh năm 1966. Đó là những người tiêu biểu trong số gần 20 học sinh miền Nam nhập ngũ năm 1959. Ngoài ra, còn có các anh Thủy, Diêu, Ngợi làm các nghiệp vụ kỹ thuật trong binh chủng như khí tượng, dẫn đường...

Năm 1966, khi giặc Mỹ ồ ạt ném bom bắn phá miền Bắc, một số lớn học sinh, sinh viên trong đó có rất nhiều học sinh miền Nam đã xếp bút nghiên từ ghế các trường đại học gia nhập lực lượng vũ trang trong đó có các anh Đặng Xây, Nguyễn Phú Đức sau này trở thành người lái máy bay chiến đấu MIG 21. Nhiều anh, chị sau khi tốt nghiệp các trường đại học đã tình nguyện phục vụ trong lực lượng quân đội và công an phục vụ hầu hết các quân, binh chủng và các ngành như: Thiếu tướng Nghiêm Sĩ Chúng (tốt nghiệp Bách khoa khóa 9) hiện là Phó tổng cục trưởng kiêm Tham mưu trưởng Tổng cục Kỹ thuật; Trung tướng Nguyễn Khánh Toàn, Ủy viên Trung ương Đảng-Thứ trưởng thường trực Bộ Công an; Thiếu tướng Trần Tôn Thất (Bảy Thất), Phó cục trưởng an ninh Bộ Công an; Đại tá Phó giáo sư tiến sĩ Võ Kim, Học viện Kỹ thuật Quân sự; và các đồng chí đại tá Lưu Văn Bồng, Nguyễn Ngọc Bút, Nguyễn Ba, Bùi Trọng Như...

Nhưng có lẽ nhập ngũ đông nhất là vào Binh chủng Không quân năm 1961.

Đợt đầu tiên nhập ngũ là học sinh khu vực Hà Nội trong đó có các anh: Đoàn Mạnh Giao, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Thiếu tướng Hồ Trí Liêm, Tư lệnh Binh chủng Thông tin liên lạc.

Đợt thứ hai đông nhất là 100 học sinh khu Chương Mỹ-Hà Đông nhập ngũ ngày 21 tháng 7 năm 1961.

Đợt thứ ba gồm 18 học sinh khu Chương Mỹ nhập ngũ ngày 17 tháng 8 năm 1961.

Đợt thứ tư nhập ngũ ngày 28 tháng 8 năm 1961 gồm 80 học sinh Trường bổ túc Đông Triều.

Tất cả đều tập trung huấn luyện cơ bản tại sân bay Cát Bi-Hải Phòng thuộc tiểu đoàn dự khóa D 95 do Đại úy Nguyễn Văn Xe, người Liên khu 5 làm tiểu đoàn trưởng. Số cán bộ khung của tiểu đoàn 95 hầu hết là cán bộ của Sư đoàn Liên khu 5 tập kết F305.

Chúng tôi chủ yếu có hai đại đội 1 và 2. Đại đội 1 gồm toàn cựu binh nhập ngũ trước năm 1961 như Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Ngọc Đĩnh, Nguyễn Hồng Nhi, Nguyễn Văn Cốc, sau này đều là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Số học sinh miền Nam chúng tôi ở Đại đội 2 (C2) do trung úy Tăng Văn Hoàn làm Đại đội trưởng. Thời tân binh, chúng tôi có dịp đón anh hùng vũ trụ Liên Xô Ti-tốp.

18/11/04

Do đoán đi từ In-đô-nê-xi-a sang nên máy bay AN 12 cỡ lớn chưa thể hạ xuống sân bay Gia Lâm được nên đoán đã hạ cánh xuống sân bay Cát Bi, sau đó đi máy bay về Gia Lâm. Một buổi tối, sau khi đón đoán, anh em chúng tôi đang trò chuyện vui thì đại đội trưởng Tăng Văn Hoán nói: "Chúng ta vừa đi đón anh hùng vũ trụ Ga-ga-rin". Thế là anh Bạch Thái Long ứng khẩu ngay:

Ti-tốp lá Ga-ga-rin

Ông Tăng Văn Hoán phao tin nổ trời

Ga-ga-rin-Ti-tốp ơi

Ông Tăng Văn Hoán nổ trời phao tin

Tất cả chúng tôi đều cười vui vẻ. Đại đội trưởng Tăng Văn Hoán không giận mà còn khen anh Bạch Thái Long ứng khẩu nhanh, nhưng cũng không quên nhắc mọi người phải chú ý đúng nơi đúng lúc.

Sau thời gian huấn luyện cơ bản, số anh em dự khóa tiểu đoàn 95 chúng tôi được phân công đi các nơi. Có người về Trường Không quân học bay khóa 4B. Một số khác sang Liên Xô học kỹ thuật và học lái máy bay. Số còn lại chủ yếu là sức khỏe không đủ tiêu chuẩn bay thì về các trường sĩ quan.

Tham gia học nguyên lý bay khóa 4B còn có một số cán bộ khung như đại úy Chu Duy Kính, Phó chủ nhiệm chính trị (sau này là Trung tướng Tư lệnh Quân khu Thủ Đức).

Số anh em này hiện còn rất ít hoặc đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ như các liệt sĩ Võ Xuân Khánh (lái AN2), Nguyễn Minh Lý (AN2), Lê Sĩ Diệp, Phạm Tấn Duân, Trần Xuân Kỳ đều là MIG 17-Nguyễn Trọng Văn (MIG 19), Nguyễn Văn Lung, Trần Thiện Lương (MIG 21).

Số học sinh đi học Liên Xô năm 1961, 1962 như Đặng Ngọc Phát, Cao Trỡ, Lê Minh Tường, Bạch Vân, Nguyễn Văn On, Tạ Thu, Nguyễn Khởi Danh, bây giờ mỗi người một ngả. Anh Thu chuyển sang Tổng cục Cao su. Anh Phát về Xí nghiệp đánh cá Việt Xô ở Hải Phòng. Anh Bạch Vân thì đang làm giám đốc một công ty ở TP Hồ Chí Minh. Anh Qué đang là Tùy viên quân sự Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga. Anh Huỳnh Tùng, đại tá tiến sĩ là người giữ kỷ lục làm Viện trưởng lâu nhất ở Viện kỹ thuật Không quân nay là Viện kỹ thuật Phóng không - Không quân, cũng vừa nghỉ hưu.

Số học sinh miền Nam chủ yếu vì sức khỏe không đủ tiêu chuẩn bay thì đi các trường sĩ quan Phòng không, Thông tin như các anh Võ Ban, Hồ Quang Tâm, Nguyễn Việt Hải, Võ Thế Đức, Nguyễn Danh, Võ Thanh Hương, Nguyễn Ngọc Diệp, Bùi Đại Dũng. Anh Dương Minh Châu hiện là giám đốc Sở giao thông công chính tỉnh Bình Định. Anh Nguyễn Thịnh giám đốc Bưu điện tỉnh Bình Định.

Một số các anh gồm Võ Bá Liễu, Nguyễn Tấn Thời, Hồ Quang Tâm, Nguyễn Thành Sĩ, Trương Quang Hiến, Nguyễn Đình Chỉ, Trần Nhiên... có một thời gian ở Đại đội san đường (C14) của sân bay Cát Bi, các anh đã làm cho đại đội này trở thành một đơn vị xuất sắc, nổi bật nhất là các cuộc thi văn nghệ, báo tường, thể thao. Anh Nguyễn Tấn Hùng chuyên bắt gôn sau này khi làm đại đội trưởng pháo Phóng không, chỉ huy bắn máy bay rất giỏi. Khi phóng viên báo chí hỏi "Vì sao anh chọn đúng thời cơ chỉ huy đơn vị bắn trúng máy bay Mỹ. Anh Hùng vui vẻ trả lời: "Trước đây thích đá bóng tôi lại hay bắt gôn, khi tiền đạo của đối phương lừa bóng xuống định đá vào khung thành, người thủ môn từ trong khung thành phải luôn luôn quan sát động tác của tiền đạo đối phương qua cách chạy lừa bóng để phán đoán hướng bắt bóng cho đúng, vì vậy tôi có cảm giác tốt khi nhìn máy bay Mỹ đang chuẩn bị lao vào mục tiêu để có phương án chỉ huy kịp thời".

Người mà chúng tôi không thể nào quên là Ngô Nay. Anh là người Liên khu 5 cao to, rất trực tính. Một lần trước khi ra bãi tập tập chiến thuật anh Nay không quên dắt theo chiếc súng cao su để bắn chim. Đồng chí tiểu đội trưởng thấy vậy nói đùa: Bắn được chim về bổ lực lượng mình mà nường. Anh Nay chỉ đề nghị mọi người ghi nhớ hộ lời của tiểu đội trưởng. Nào ngờ trên đường ra bãi tập, đang đi anh Nay xin phép ra ngoài, mọi người dừng lại, nhìn anh Nay chuẩn bị bắn một con chim đậu ở cành cây cao ven đường. Với một viên sỏi anh Nay đã bắn hạ ngay con chim trước sự chứng kiến của mọi người. Ngay sau buổi tập. khi về đến nhà anh Nay đề nghị tiểu đội trưởng nằm

xuống cho mình nướng chim. Lỡ qua tiếng lại cuối cùng đồng chí tiểu đội trưởng cũng phải nằm sấp xuống giường để anh nhỏ lông chim trên lưng. Nhưng anh không nướng mà chỉ đốt một chiếc lông hơ nhẹ lên lưng đồng chí tiểu đội trưởng. Anh em chúng tôi được một bữa trưa mất ngủ và được đại đội trưởng Tăng Văn Hoàn nhắc nhở vào đầu giờ tập buổi chiều. Chính anh Ngô Nay là người còn câu được cả chim bói cá, vì khi ngồi câu anh nấp trong bụi rậm nên chú bói cá đớp phải. Anh không gỡ ra mà cầm luôn cả cần câu cho chim bay lên trời trước sự ngạc nhiên của mọi người.

Tất cả chúng tôi là những học sinh miền Nam dù là chiến sĩ lái máy bay đến các cán bộ kỹ thuật xăng dầu, khí tượng hay làm bất cứ một công việc gì đều luôn đem hết cái chất học sinh miền Nam để hoàn thành tốt nhiệm vụ, cái chất đó như lời anh Hồ Quang Tám, Thường vụ tỉnh ủy, Trưởng Ban tuyên giáo tỉnh ủy Đắc Lắc là:

Quyết tâm học tập và rèn luyện

Thương yêu và đùm bọc lẫn nhau

Trung thực thẳng thắn và dũng cảm.

Chúng tôi không bao giờ quên được sự thương yêu đùm bọc chăm sóc của đồng bào miền Bắc đặc biệt là những cô chú phục vụ, các thầy cô giáo đã tận tâm tất cả vì học sinh thân yêu như: Cô Xoa, chú Lý Trà (Trường 10 Quát Động), cô Ngọ (Trường 19 Cầu Rào), chú Bông (Tiếp phẩm Trường 16 Đông Triều), chú Thế (Phụ trách máy nổ khu trường Chương Mỹ)... Những người ít được biết đến nhưng đóng góp không nhỏ cho sự khôn lớn trưởng thành của học sinh miền Nam sau này.

Bây giờ nghĩ lại mới thấy quý và cảm động với sự tận tâm dạy dỗ của các thầy: Trần Văn Lan, Cù Huy Chử, thầy Nga Trường cấp II khu Học Xã Trung ương Nam Ninh-Trung Quốc.

Thầy Nguyễn Quý, Nguyễn Nghĩa Trọng (trường 27), thầy Nguyễn Kiều (Trường 16 Đông Triều), hay các thầy, cô của cấp III như: Đinh Văn Đạm, Trịnh Khắc Ước, Nguyễn Thị Tý, Nguyễn Thục Phương, Trần Thanh Nhân, Thái Hiền, Hà Văn Thực, Lưu Trường Thịnh (Hiệu phó), Phan Kế Thực, Nguyễn Huy Bằng, Bùi Ngọc Xuyên, Hồ Đình Phương (Hiệu trưởng)... đã đem hết kiến thức và lòng yêu nghề để dạy dỗ chúng tôi nên người hôm nay.

Trong số đó có các thầy cô đang còn rất trẻ là người có gia đình ở Hà Nội như thầy Trịnh Khắc Ước, Nguyễn Văn Đoàn, Nguyễn Thục Phương... Tuy trường chỉ cách Hà Nội có 17km nhưng với hành trang là chiếc vali nhỏ các thầy đã đến với chúng tôi, rất ít khi trở về Hà Nội vào thứ bảy và chủ nhật mà tất cả vì học sinh thân yêu.

Chính từ vô vàn tình yêu thương và tấm lòng nhân hậu đó mà anh em chúng tôi đã được nuôi dạy và khôn lớn trưởng thành cho đến ngày nay.

LÊ HOÀNG YÊN

(Nguyên giáo viên trường Học sinh miền Nam số 24 Chương Mỹ-Hà Đông)

(*) (Ghi theo lời kể của anh Nguyễn Đình Chỉ, nguyên là học sinh miền Nam Trường số 24-Chương Mỹ-Hà Đông tham gia vào Binh chủng Không quân (nay là Quân chủng Phòng không-Không quân) từ năm 1961).

Số 3: Miền Nam ruột thịt

Thành lập Trung đoàn không quân tiêm kích đầu tiên

Trung tá Phạm Dương Quý

Ngày 3-2-1964, đúng vào kỷ niệm 34 năm ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam, trung đoàn không quân 921 được thành lập. Để có được ngày đó, từ những năm trước, với tầm nhìn xa, trông rộng của Đảng, của Bác Hồ, những chiến sĩ không quân đầu tiên đã được cử đi học lái máy bay chiến đấu.

Tháng 3-1956, cùng với các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay được cử đi học tập ở các nước, đoàn học lái máy bay tiêm kích có 50 đồng chí, do đồng chí Phạm Dũng làm trưởng đoàn được cử sang học tập tại Trung Quốc. Sau do yêu cầu nhiệm vụ, đồng chí Đào Đình Luyện được điều về thay đồng chí Phạm Dũng. Đến tháng 3-1963, trải qua 7 năm học tập, rèn luyện, vượt qua mọi khó khăn, lớp phi công tiêm kích chiến đấu đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam đã cơ bản hoàn thành các khoa mục, bài học bay cơ bản loại máy bay MIG-17.

Liên Xô và Trung Quốc trang bị cho ta máy bay MIG-15 và MIG-17. Cuối tháng 3-1963, các máy bay đã lắp ráp xong, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ. Ngày 12-4-1963, đại tá Đặng Tính, Cục trưởng Cục Không quân kỹ công văn giao cho đoàn 32 chiếc máy bay chiến đấu kiểu MIG-17, 4 chiếc máy bay kiểu MIG-15, 42 xe đặc chủng, xe cơ động và 8 rơ móc thùng chứa thiết bị kèm theo.

Trên sân bay Mông Tự (Vân Nam) gần với biên giới của Tổ quốc, cán bộ, phi công trung đoàn được học bay ứng dụng, bay thực hành sát hơn với thực tế. Anh em tranh thủ ngày đêm miệt mài học tập để được nhanh chóng trở về Tổ quốc. Ai cũng muốn mình có tên trong danh sách về ngày đầu, đợt đầu. Những đợt kiểm tra, khảo sát đều vượt chỉ tiêu, ai cũng biết đọc lập bay, bay rất bá bản, linh hoạt, tiến độ tốt, an toàn cao. Đến cuối năm 1962, mỗi phi công đã bay được 300 giờ trên MIG-17, bay chiến đấu biên đội 2 chiếc, 4 chiếc, bay đêm khi tượng giãn đơn, bay biển... Tiêu biểu cho những đồng chí bay xuất sắc của trung đoàn là các đồng chí: Nguyễn Ngọc Độ, Lê Minh Huân, Phạm Ngọc Lan... Cán bộ, thầy giáo bạn tin tưởng nhận xét: "Chất lượng bay không hề thua kém bất kỳ bộ đội không quân nước nào".

Tình hình học tập của anh em rất tiến bộ. Máy bay, trang bị đã có, Cục không quân nghiên cứu, xem xét tình hình thực tế các công tác chuẩn bị của ta và của bạn. Cục đã làm công văn đề nghị Bộ Quốc phòng cho phép thành lập trung đoàn Không quân tiêm kích đầu tiên và được trên chấp nhận. Theo sự chỉ đạo của trên, nhái hời đường đào tạo cần hồ để hời đảm sẵn sàng chiến đấu khi

cần thiết, có khả năng phát triển lớn mạnh, biên chế cơ quan đơn vị hoàn chỉnh, nhất là cán bộ chỉ huy, tham mưu, chính trị, kỹ thuật, hậu cần... Mọi mặt đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Cục không quân (sau là Quân chủng Phòng không-Không quân).

5 giờ sáng ngày 31-7-1963, chuyến tàu chở cán bộ, chiến sĩ các thành phần bổ sung cho đơn vị rời ga Hà Nội lên đường, tất cả đều tập kết ở sân bay Mông Tự. Trên sân bay, anh em đang khẩn trương luyện tập, chuẩn bị cho lễ ra mắt của trung đoàn. Mọi người được nhận quần, tư trang của Quân đội nhân dân Việt Nam từ bên nước gửi sang: mũ, quần hàm, quần áo... Anh em ngắm nhìn, nâng niu sao mũ, quần hàm. Ngoài giờ bay huấn luyện, tập đội ngũ ra anh em là phẳng phiu, chăm vuốt những bộ quần phục mới. Những đồng chí có huân chương, huy chương được phép đeo trong ngày vinh dự đó. Không khí đoàn kết thấm tình đồng chí, tình anh em tràn ngập trong đơn vị.

Đồng chí Trung đoàn trưởng Đào Đình Luyện đề nghị Hội đồng quân nhân đơn vị thảo luận, nghiên cứu đặt tên cho đơn vị, vẽ cát ma-két phù hiệu sơn lên máy bay sao cho phù hợp với không quân chiến đấu, đơn vị không quân tiêm kích phản lực đầu tiên. Hội đồng quân nhân và anh em đều nhất trí đề nghị lên cấp trên lấy tên trung đoàn là "Sao Đỏ", "Đoàn không quân Sao Đỏ". Phù hiệu sơn lên máy bay là quốc kỳ của Tổ quốc được cách điệu. Đề nghị trên đã được cấp trên chấp nhận. Số phi công đã có 70 đồng chí, trong đó 33 đồng chí đã bay tốt MIG-17. Các cơ quan, đơn vị, các bộ phận đã dần dần ổn định. Những ngày đầu, đồng chí trung tá Đào Đình Luyện được bổ nhiệm làm Trung đoàn trưởng, đồng chí thiếu tá Đỗ Long làm Chính ủy, đồng chí thiếu tá Trần Mạnh làm Trung đoàn phó, đồng chí Lê Văn Thọ làm Tham mưu trưởng, đồng chí Trần Doãn Tuyết làm quyền Chủ nhiệm chính trị; đồng chí đại úy Võ Duy Cư làm Tiểu đoàn trưởng kỹ thuật, đồng chí thượng úy Trần Ngọc Châu làm Tiểu đoàn phó...

8 giờ sáng ngày 3-2-1964, trên sân bóng của sân bay Mông Tự, toàn thể cán bộ, chiến sĩ trung đoàn tập trung đầy đủ. Sau lễ chào cờ, đồng chí Thiếu tướng Trần Quý Hai, đại diện Bộ Quốc phòng, đọc quyết định thành lập trung đoàn không quân tiêm kích mang phiên hiệu 921 rồi trao lá cờ "Quyết thắng" cho trung đoàn. Trung đoàn trưởng Đào Đình Luyện, thay mặt cán bộ, chiến sĩ đơn vị, nhận lá cờ "Quyết thắng". Trung đoàn trưởng nâng cao lá cờ, hứa với Đảng, Nhà nước, nhân dân, quân đội sẽ mang lá cờ này phất cao trên bầu trời Tổ quốc, lập những chiến công vang dội trên bầu trời Tổ quốc.

Các bài khác:

People's Army newspaper [Quan Doi Nhan Dan], 13 November 2005, accessed 13 November 2005 at http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=53078&subject=?

Chiến thắng Plây-me - la Đrăng (từ 19-10 đến 20-11-1965): Đòn phủ đầu quân Mỹ ở Tây Nguyên

Ngày 13 tháng 11 năm 2005

Đầu năm 1965, Bộ Tổng tham mưu cho gọi tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng sư đoàn 304 lên giao nhiệm vụ vào miền Nam chiến đấu. Đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng nói: "Các đồng chí hãy suy nghĩ kỹ: sắp tới ta sẽ đụng đầu quân Mỹ, chủ lực ta phải đánh với thế "đứng trên đầu quân thù". Cấp trên giao cho hai đồng chí chỉ huy đưa một sư đoàn hoàn chỉnh vào miền Nam, cùng với dân và quân miền Nam đánh thắng quân Mỹ và thắng ngay từ trận đầu".

Nhận nhiệm vụ xong, tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng Sư đoàn 304 thảo luận và thống nhất là trận đầu phải diệt gọn được tiểu đoàn bộ binh Mỹ-điều này chưa có tiền lệ trong lịch sử xâm lược của quân đội Mỹ (kể cả ở chiến trường Triều Tiên 1951-1953). Lần đầu tiên một sư đoàn hoàn chỉnh quân chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam đụng đầu với một đối tượng tác chiến mà ta chưa hiểu kỹ, lại được trang bị hiện đại nhất, muốn đánh cho chúng thua đau đến mức "nhớ đời" và "khiếp sợ" đâu có dễ. Với cương vị là người phụ trách sư đoàn đi vào Nam, tôi nhận thấy vấn đề có tính quyết định là phải chuẩn bị rất chu đáo về tư tưởng và tổ chức.

Về tư tưởng, phải làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy rõ âm mưu của đế quốc Mỹ là tiến hành chiến tranh xâm lược, phá hủy hết mọi công trình kinh tế, quân sự, cả công trình dân sinh đầy đất nước Việt Nam lui về thời kỳ đồ đá. Trên cơ sở nói rõ âm mưu địch, xây dựng tinh thần căm thù, ý chí quyết thắng đế quốc Mỹ. Sư đoàn đã phổ biến kịp thời cho cán bộ, chiến sĩ những hành vi tội ác của đế quốc Mỹ ở miền Nam, kêu gọi tinh thần yêu nước, gọi cảnh bị mất nước làm nô lệ trước đây, cảnh dân ta bị chết đói năm 1945; giáo dục lời kêu gọi của Bác Hồ về chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến 1965. Thông qua giáo dục, phát động tư tưởng nâng cao trình độ, ý chí quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ đạt 3 cấp độ (cốt cán kiên cường 30-35%, khá 50-55%, đạt yêu cầu 8-10%), số yếu kém ở lại chuẩn bị thêm. Và cán bộ với 3 cấp độ giác ngộ phải được sắp xếp cho phù hợp với các loại đội hình: biên chế cơ bản của quân đội; đội hình chiến thuật, đội hình công tác. Các loại vũ khí quan trọng phải có người sử dụng vừa là cốt cán kiên cường vừa là điều luyện. Ở mỗi chức danh quan trọng phải có người phụ trách vừa giỏi về nghiệp vụ vừa là cốt cán kiên cường. Kết quả đầu tiên là trên đường hành quân đi bộ vào Nam gần 2 tháng nhưng cán bộ, chiến sĩ rơi rớt ở lại dọc đường rất ít. Về kỹ thuật chiến thuật, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ về quân đội Mỹ; kinh nghiệm chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Triều Tiên, tổ chức đọc truyện chiến đấu của Triều Tiên ở Thượng Cam Lĩnh. Về mặt xây dựng và rèn luyện, đã tập trung huấn luyện theo yêu cầu tác chiến với quân đội Mỹ; xây dựng được ở mỗi vũ khí, mỗi chức danh có từ 2 đến 3 người vừa điều luyện, thông thạo, đồng thời là cốt cán kiên cường để bảo đảm chắc thắng trong tình huống khó khăn phức tạp nhất.

Cuối tháng 9-1965, đơn vị đi đầu của Sư đoàn 304 đã vào Tây Nguyên vào lúc chiến dịch Plây-me sắp bắt đầu. Bộ Tư lệnh B3 (trực tiếp là đồng chí Chu Huy Mân, lúc đó là Tư lệnh kiêm Chính ủy B3) gọi tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng Sư đoàn 304 lên nhận nhiệm vụ. Đồng chí Chu Huy Mân nói: "Sư đoàn 304 là đơn vị sư đoàn hoàn chỉnh đầu tiên vào Tây Nguyên. Chiến dịch Plây-me bắt đầu, Sư đoàn 304 sẽ tham gia đợt 2 của chiến dịch và là lực lượng trực tiếp đánh sư đoàn kỵ binh bay số 1 của quân Mỹ mới vào Việt Nam và đang lên Tây Nguyên. Tôi sẽ điều quân của sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ đến để các đồng chí đánh. Là sư đoàn hoàn chỉnh đầu tiên chạm trán với Mỹ, các đồng chí phải đánh một trận "áo đảo tinh thần" quân Mỹ. Để từ nay về sau khi nghe

thấy quân chủ lực Việt Nam là quân Mỹ khiếp đảm”.

Tôi suy nghĩ rất nhiều để hình dung cho được thế nào là một trận đánh “áp đảo tinh thần”. Sau 2 ngày, tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng sư đoàn 304 trực tiếp trình bày với đồng chí Chu Huy Mân nội dung “áp đảo tinh thần”: Một là, tiêu diệt tiểu đoàn kỵ binh bay không vận của Mỹ; Hai là phải đánh gần và đâm lê (giáp là cà).

Tôi trình bày thêm những khó khăn của đơn vị. Nghe xong, đồng chí Chu Huy Mân đồng ý nội dung trận “áp đảo tinh thần” và cùng với chúng tôi phân tích dự báo tình huống, địa bàn mà quân Mỹ sẽ đổ quân xuống. Có rất nhiều khả năng chúng ném bom B52 và điều nhiều pháo đến chi viện cho việc đổ quân, nên ta phải ở ngoài rìa khu vực đổ quân ấy, nhưng luôn trong tư thế tiến công, để khi địch chấm dứt ném bom B52 là quân ta vừa cơ động, vừa hình thành đội hình tấn công vào quân Mỹ, khi chúng đứng chân chưa vững. Trong quá trình chuẩn bị, chúng tôi gặp nhiều khó khăn, trong đó có một tình tiết mà tôi không bao giờ quên. Ấy là do một bộ phận cán bộ và chiến sĩ có nhận thức không đúng là đánh với quân Mỹ không thể đánh gần và đâm lê, nên đã tháo gở và bỏ hầu hết lưỡi lê dọc đường 559 (từ đường 9 trở vào B3). Tôi phải động viên và tổ chức một số cán bộ chính trị cùng với một bộ phận lực lượng vận tải đi thu gom lưỡi lê từ đường 9 vào B3, được 300 chiếc, vừa đủ trang bị cho 3 đại đội bộ binh (1 đại đội của tiểu đoàn 7 và 2 đại đội của tiểu đoàn 8, trung đoàn 66). Việc sử dụng lê trong trận đánh này không phải giao cho bất kỳ ai, mà chọn giao cho những chiến sĩ có quyết tâm, ý chí quyết thắng giặc Mỹ cao. Sau đó động viên, huấn luyện thành thực động tác đâm lê, đánh gần và tập chạy nhanh, dưới hỏa lực địch để kịp tiếp cận đúng đối tượng Mỹ sẽ phải đối mặt ở thung lũng la Đrăng.

Trong lúc giao nhiệm vụ, đồng chí Chu Huy Mân đã nhiều lần quán triệt: Đây là trận then chốt quyết định nhất của chiến dịch Plây-me. Cho nên hiệu suất chiến đấu phải cao: có thể ta 1, địch từ 8 đến 10, nhưng riêng trận này có thể ta hơn 1, địch 1. Nhưng các đồng chí chỉ được đánh trận này thôi, từ nay về sau không được đánh thế, vì Việt Nam là nước nhỏ, nghèo, chống lại quân Mỹ là nước lớn và giàu. Nếu trong sử dụng quân mà cứ phóng tay thì không phù hợp với đường lối quân sự của Đảng ta.

Chiến dịch Plây-me bắt đầu từ ngày 19 đến 29-10-1965, bằng biện pháp bao vây đánh mẽ đồn Plây-me, buộc quân ngụy phải đến chi viện và ta đã diệt gọn một trung đoàn ngụy và chiến đoàn thiết giáp ngụy. Quân ngụy bị đánh đau thì dứt khoát quân Mỹ phải đi cứu viện. Lúc đầu, chúng tôi tính toán trong vòng một tuần lễ là quân Mỹ phải đến chi viện. Nhưng thực tế là sau 15 ngày, quân Mỹ mới đổ quân xuống thung lũng la Đrăng (địa điểm dự kiến đánh chúng) nên ta càng có thời gian để chuẩn bị thế trận tốt hơn.

Trong chiến dịch Plây-me, ta dự kiến địch sẽ ném bom vào trận địa ta trước và sau chiến dịch, hoặc khi chúng đổ quân xuống thung lũng la Đrăng, nhưng ta chưa dự kiến tới là ở thung lũng la Đrăng chúng sử dụng B52 chi viện cho chiến thuật. Đây là lần đầu tiên ở chiến tranh Việt Nam chúng dùng 30 lần chiếc B52 chi viện chiến thuật. Chiếc thứ 30 vừa chấm dứt ném bom thì máy bay trinh sát về về lượn vòng quanh, tiếp theo sau nhiều tốp trực thăng chở quân lần lượt đổ xuống thung lũng la Đrăng. Trong thời cơ này, ta phải vừa chạy vừa hình thành thế trận.

Từ ngày 14 đến 17-11-1965, bằng 4 trận đánh của trung đoàn 66 và một tiểu đoàn của trung đoàn 33, ta đã tiêu diệt tiểu đoàn 2 kỵ binh bay do trung tá Mê-đen chỉ huy, giết 250, làm bị thương 120 tên, còn lại 30 tên của tiểu đoàn 2 Mỹ tháo chạy và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 1 kỵ binh bay do trung tá Ha-rôn Mo chỉ huy (nay là trung tướng quân đội Mỹ), giết 150 tên và bị thương 120 tên Mỹ của tiểu đoàn 2 (trong tổng số quân đi chiến đấu trận này của 2 tiểu đoàn Mỹ gồm 800 tên). Theo quy luật chung của chiến tranh, thường là bị thương nhiều hơn chết, nhưng ở trận thung lũng la Đrăng, địch chết nhiều hơn bị thương. Ở trận này, số địch chết và bị thương hầu hết bị bắn và đâm từ ngực trở lên do bộ đội ta đánh gần và đâm lê, dao găm, nên Mỹ rất khiếp đảm. Trong trận này có đồng chí Đinh Văn Đẻ người dân tộc Re, Chính trị viên phó đại đội thuộc tiểu đoàn 8 đã dùng súng trường bắn chết 5 tên và dùng dao găm đâm chết 3 tên, đã trở thành Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú và cùng tiểu đoàn 8 diệt gọn tiểu đoàn 1 của Mỹ do trung tá Mê-đen chỉ huy và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 2 do trung tá Ha-rôn Mo chỉ

huy, đạt hiệu suất ta 1,4, địch 1.

Kết thúc chiến dịch, tổng kết và đánh giá về chiến dịch Play-me nói chung và trận thung lũng Ia Đrăng nói riêng, lúc đầu còn có ý kiến khác nhau, có người cho rằng, chiến dịch Play-me nói chung thì ta thắng lợi lớn, nhưng riêng trận thung lũng Ia Đrăng, có ý kiến cho là tốt, có ý kiến cho rằng địch thương vong nhiều, ta cũng thương vong nhiều nên cùng lắm là hòa.

Sau thảo luận nhiều lần, mọi người đều thống nhất nhận định: chiến dịch Play-me nói chung và trận Ia Đrăng nói riêng ta đã giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, ý nghĩa chính trị to lớn. Vì trận đánh thung lũng Ia Đrăng là trận đánh then chốt quyết định chiến dịch Play-me. Đối với quân Mỹ, trận đánh ở thung lũng Ia Đrăng đã trở thành nỗi kinh hoàng mà trong hồi ký của Oét-mo-len đã thừa nhận: "Đây là tổn thất nghiêm trọng" của sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ trong trận đầu ra quân ở Tây Nguyên. Trận đánh ở thung lũng Ia Đrăng đã vượt qua khuôn khổ chiến thuật, trở thành trận đánh có tầm cỡ chiến dịch. Hơn thế nữa, đó còn là trận đánh có ý nghĩa về chiến lược.

 TOP

Thượng tướng NGUYỄN NAM KHANH

People's Army newspaper [Quan Doi Nhan Dan], 13 November 2005, accessed 13 November 2005 at http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=53078&subject=2

Chiến thắng Plây-me - la Đrăng (từ 19-10 đến 20-11-1965): Đòn phủ đầu quân Mỹ ở Tây Nguyên

Ngày 13 tháng 11 năm 2005

Đầu năm 1965, Bộ Tổng tham mưu cho gọi tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng sư đoàn 304 lên giao nhiệm vụ vào miền Nam chiến đấu. Đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng nói: "Các đồng chí hãy suy nghĩ kỹ: sắp tới ta sẽ đụng đầu quân Mỹ, chủ lực ta phải đánh với thế "đứng trên đầu quân thù". Cấp trên giao cho hai đồng chí chỉ huy đưa một sư đoàn hoàn chỉnh vào miền Nam, cùng với dân và quân miền Nam đánh thắng quân Mỹ và thắng ngay từ trận đầu".

Nhận nhiệm vụ xong, tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng Sư đoàn 304 thảo luận và thống nhất là trận đầu phải diệt gọn được tiểu đoàn bộ binh Mỹ-điều này chưa có tiền lệ trong lịch sử xâm lược của quân đội Mỹ (kể cả ở chiến trường Triều Tiên 1951-1953). Lần đầu tiên một sư đoàn hoàn chỉnh quân chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam đụng đầu với một đối tượng tác chiến mà ta chưa hiểu kỹ, lại được trang bị hiện đại nhất, muốn dành cho chúng thua đau đến mức "nhớ đời" và "khiếp sợ" đâu có dễ. Với cương vị là người phụ trách sư đoàn đi vào Nam, tôi nhận thấy vấn đề có tính quyết định là phải chuẩn bị rất chu đáo về tư tưởng và tổ chức.

Về tư tưởng, phải làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy rõ âm mưu của đế quốc Mỹ là tiến hành chiến tranh xâm lược, phá hủy hết mọi công trình kinh tế, quân sự, cả công trình dân sinh đầy đất nước Việt Nam lui về thời kỳ đồ đá. Trên cơ sở nói rõ âm mưu địch, xây dựng tinh thần căm thù, ý chí quyết thắng đế quốc Mỹ. Sư đoàn đã phổ biến kịp thời cho cán bộ, chiến sĩ những hành vi tội ác của đế quốc Mỹ ở miền Nam, kêu gọi tinh thần yêu nước, gọi cảnh bị mất nước làm nô lệ trước đây, cảnh dân ta bị chết đói năm 1945; giáo dục lời kêu gọi của Bác Hồ về chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến 1965. Thông qua giáo dục, phát động tư tưởng nâng cao trình độ, ý chí quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ đạt 3 cấp độ (cốt cán kiên cường 30-35%, khả 50-55%, đạt yêu cầu 8-10%), số yếu kém ở lại chuẩn bị thêm. Và cán bộ với 3 cấp độ giác ngộ phải được sắp xếp cho phù hợp với các loại đội hình: biên chế cơ bản của quân đội; đội hình chiến thuật, đội hình công tác. Các loại vũ khí quan trọng phải có người sử dụng vừa là cốt cán kiên cường vừa là điều luyện. Ở mỗi chức danh quan trọng phải có người phụ trách vừa giỏi về nghiệp vụ vừa là cốt cán kiên cường. Kết quả đầu tiên là trên đường hành quân đi bộ vào Nam gần 2 tháng nhưng cán bộ, chiến sĩ rơi rớt ở lại dọc đường rất ít. Về kỹ thuật chiến thuật, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ về quân đội Mỹ; kinh nghiệm chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Triều Tiên, tổ chức đọc truyện chiến đấu của Triều Tiên ở Thượng Cam Lĩnh. Về mặt xây dựng và rèn luyện, đã tập trung huấn luyện theo yêu cầu tác chiến với quân đội Mỹ; xây dựng được ở mỗi vũ khí, mỗi chức danh có từ 2 đến 3 người vừa điều luyện, thông thạo, đồng thời là cốt cán kiên cường để bảo đảm chắc thắng trong tình huống khó khăn phức tạp nhất.

Cuối tháng 9-1965, đơn vị đi đầu của Sư đoàn 304 đã vào Tây Nguyên vào lúc chiến dịch Plây-me sắp bắt đầu. Bộ Tư lệnh B3 (trực tiếp là đồng chí Chu Huy Mân, lúc đó là Tư lệnh kiêm Chính ủy B3) gọi tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng Sư đoàn 304 lên nhận nhiệm vụ. Đồng chí Chu Huy Mân nói: "Sư đoàn 304 là đơn vị sư đoàn hoàn chỉnh đầu tiên vào Tây Nguyên. Chiến dịch Plây-me bắt đầu, Sư đoàn 304 sẽ tham gia đợt 2 của chiến dịch và là lực lượng trực tiếp đánh sư đoàn kỵ binh bay số 1 của quân Mỹ mới vào Việt Nam và đang lên Tây Nguyên. Tôi sẽ điều quân của sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ đến để các đồng chí đánh. Là sư đoàn hoàn chỉnh đầu tiên chạm trán với Mỹ, các đồng chí phải đánh một trận "áo đảo tinh thần" quân Mỹ. Để từ nay về sau khi nghe

thấy quân chủ lực Việt Nam là quân Mỹ khiếp đảm”.

Tôi suy nghĩ rất nhiều để hình dung cho được thế nào là một trận đánh “áp đảo tinh thần”. Sau 2 ngày, tôi và đồng chí Sư đoàn trưởng sư đoàn 304 trực tiếp trình bày với đồng chí Chu Huy Mân nội dung “áp đảo tinh thần”: Một là, tiêu diệt tiểu đoàn kỵ binh bay không vận của Mỹ; Hai là phải đánh gần và đấm lẹ (giáp là cà).

Tôi trình bày thêm những khó khăn của đơn vị. Nghe xong, đồng chí Chu Huy Mân đồng ý nội dung trận “áp đảo tinh thần” và cùng với chúng tôi phân tích dự báo tình huống, địa bàn mà quân Mỹ sẽ đổ quân xuống. Có rất nhiều khả năng chúng ném bom B52 và điều nhiều pháo đến chi viện cho việc đổ quân, nên ta phải ở ngoài rìa khu vực đổ quân ấy, nhưng luôn trong tư thế tiến công, để khi địch chấm dứt ném bom B52 là quân ta vừa cơ động, vừa hình thành đội hình tấn công vào quân Mỹ, khi chúng đứng chân chưa vững. Trong quá trình chuẩn bị, chúng tôi gặp nhiều khó khăn, trong đó có một tình tiết mà tôi không bao giờ quên. Ấy là do một bộ phận cán bộ và chiến sĩ có nhận thức không đúng là đánh với quân Mỹ không thể đánh gần và đấm lẹ, nên đã tháo gở và bỏ hầu hết lưỡi lê dọc đường 559 (từ đường 9 trở vào B3). Tôi phải động viên và tổ chức một số cán bộ chính trị cùng với một bộ phận lực lượng vận tải đi thu gom lưỡi lê từ đường 9 vào B3, được 300 chiếc, vừa đủ trang bị cho 3 đại đội bộ binh (1 đại đội của tiểu đoàn 7 và 2 đại đội của tiểu đoàn 8, trung đoàn 66). Việc sử dụng lê trong trận đánh này không phải giao cho bất kỳ ai, mà chọn giao cho những chiến sĩ có quyết tâm, ý chí quyết thắng giặc Mỹ cao. Sau đó động viên, huấn luyện thành thực động tác đấm lẹ, đánh gần và tập chạy nhanh, dưới hỏa lực địch để kịp tiếp cận đứng đối tượng Mỹ sẽ phải đối mặt ở thung lũng la Đrăng.

Trong lúc giao nhiệm vụ, đồng chí Chu Huy Mân đã nhiều lần quán triệt: Đây là trận then chốt quyết định nhất của chiến dịch Plây-me. Cho nên hiệu suất chiến đấu phải cao: có thể ta 1, địch từ 8 đến 10, nhưng riêng trận này có thể ta hơn 1, địch 1. Nhưng các đồng chí chỉ được đánh trận này thôi, từ nay về sau không được đánh thế, vì Việt Nam là nước nhỏ, nghèo, chống lại quân Mỹ là nước lớn và giàu. Nếu trong sử dụng quân mà cứ phóng tay thì không phù hợp với đường lối quân sự của Đảng ta.

Chiến dịch Plây-me bắt đầu từ ngày 19 đến 29-10-1965, bằng biện pháp bao vây đánh mẽ đồn Plây-me, buộc quân ngụy phải đến chi viện và ta đã diệt gọn một trung đoàn ngụy và chiến đoàn thiết giáp ngụy. Quân ngụy bị đánh đau thì dứt khoát quân Mỹ phải đi cứu viện. Lúc đầu, chúng tôi tính toán trong vòng một tuần lễ là quân Mỹ phải đến chi viện. Nhưng thực tế là sau 15 ngày, quân Mỹ mới đổ quân xuống thung lũng la Đrăng (địa điểm dự kiến đánh chúng) nên ta càng có thời gian để chuẩn bị thế trận tốt hơn.

Trong chiến dịch Plây-me, ta dự kiến địch sẽ ném bom vào trận địa ta trước và sau chiến dịch, hoặc khi chúng đổ quân xuống thung lũng la Đrăng, nhưng ta chưa dự kiến tới là ở thung lũng la Đrăng chúng sử dụng B52 chi viện cho chiến thuật. Đây là lần đầu tiên ở chiến tranh Việt Nam chúng dùng 30 lần chiếc B52 chi viện chiến thuật. Chiếc thứ 30 vừa chấm dứt ném bom thì máy bay trinh sát về về lượn vòng quanh, tiếp theo sau nhiều tốp trực thăng chở quân lần lượt đổ xuống thung lũng la Đrăng. Trong thời cơ này, ta phải vừa chạy vừa hình thành thế trận.

Từ ngày 14 đến 17-11-1965, bằng 4 trận đánh của trung đoàn 66 và một tiểu đoàn của trung đoàn 33, ta đã tiêu diệt tiểu đoàn 2 kỵ binh bay do trung tá Mê-đen chỉ huy, giết 250, làm bị thương 120 tên, còn lại 30 tên của tiểu đoàn 2 Mỹ tháo chạy và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 1 kỵ binh bay do trung tá Ha-rôn Mo chỉ huy (nay là trung tướng quân đội Mỹ), giết 150 tên và bị thương 120 tên Mỹ của tiểu đoàn 2 (trong tổng số quân đi chiến đấu trận này của 2 tiểu đoàn Mỹ gồm 800 tên). Theo quy luật chung của chiến tranh, thương là bị thương nhiều hơn chết, nhưng ở trận thung lũng la Đrăng, địch chết nhiều hơn bị thương. Ở trận này, số địch chết và bị thương hầu hết bị bắn và đấm từ ngực trở lên do bộ đội ta đánh gần và đấm lẹ, dao găm, nên Mỹ rất khiếp đảm. Trong trận này có đồng chí Đinh Văn Đề người dân tộc Re, Chính trị viên phó đại đội thuộc tiểu đoàn 8 đã dùng súng trường bắn chết 5 tên và dùng dao găm đấm chết 3 tên, đã trở thành Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú và cùng tiểu đoàn 8 diệt gọn tiểu đoàn 1 của Mỹ do trung tá Mê-đen chỉ huy và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 2 do trung tá Ha-rôn Mo chỉ

huy, đạt hiệu suất ta 1,4, địch 1.

Kết thúc chiến dịch, tổng kết và đánh giá về chiến dịch Plây-me nói chung và trận thung lũng Ia Đrăng nói riêng, lúc đầu còn có ý kiến khác nhau, có người cho rằng, chiến dịch Plây-me nói chung thì ta thắng lợi lớn, nhưng riêng trận thung lũng Ia Đrăng, có ý kiến cho là tốt, có ý kiến cho rằng địch thương vong nhiều, ta cũng thương vong nhiều nên cùng lắm là hòa.

Sau thảo luận nhiều lần, mọi người đều thống nhất nhận định: chiến dịch Plây-me nói chung và trận Ia Đrăng nói riêng ta đã giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, ý nghĩa chính trị to lớn. Vì trận đánh thung lũng Ia Đrăng là trận đánh then chốt quyết định chiến dịch Plây-me. Đối với quân Mỹ, trận đánh ở thung lũng Ia Đrăng đã trở thành nỗi kinh hoàng mà trong hồi ký của Oét-mo-len đã thừa nhận: "Đây là tổn thất nghiêm trọng" của sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ trong trận đầu ra quân ở Tây Nguyên. Trận đánh ở thung lũng Ia Đrăng đã vượt qua khuôn khổ chiến thuật, trở thành trận đánh có tầm cỡ chiến dịch. Hơn thế nữa, đó còn là trận đánh có ý nghĩa về chiến lược.

Thượng tướng NGUYỄN NAM KHÁNH

People's Army [Quan Doi Nhan Dan] newspaper, 15 November 2005, accessed 15 November 2005 at http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=53190&subject=2

Chiến thắng Plây-me - la Đrăng (từ 19-10 đến 20-11-1965): Đòn phủ đầu quân Mỹ ở Tây Nguyên

Ngày 15 tháng 11 năm 2005

Lịch sử mãi mãi ghi nhớ trận đánh la Đrăng, bởi nó là trận đánh phủ đầu đồng thời là là cơ đầu tiêu diệt Mỹ ở Tây Nguyên. Từ sau trận đánh này, những kẻ cầm quyền ở Mỹ cho rằng, không thể dùng quân sự để thắng Việt Nam được. Đây là trận mở đầu đánh tiêu diệt đơn vị tiểu đoàn trong thời kỳ Mỹ tăng quân ào ạt vào miền Nam Việt Nam. Cũng từ trận này, Mỹ bắt đầu đánh giá lại tác dụng của sư đoàn kỵ binh bay không vận có 500 trực thăng (đã có từ trước). Sau trận la Đrăng, chúng mới khẳng định là lực lượng quà cồng kềnh, tốn kém mà không thể đánh bại được "Việt cộng" trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Trận đánh đã được Quân ủy Miền đánh giá rất cao. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, lúc đó là Chính ủy Quân giải phóng, đã gọi điện khen. Trong điện đồng chí còn nói: Quân đội ta chỉ có huân chương Quân công hạng nhất là mức khen cao nhất, nên để xứng đáng với giá trị của trận đánh, Đảng ủy quân sự Trung ương đã thưởng hai huân chương Quân công hạng nhất cho trận Plây-me và la Đrăng.

Tuy việc rút hết quân xâm lược Mỹ khỏi Việt Nam mãi đến Hiệp định Pa-ri tháng 1-1973 mới kết thúc, nhưng ý chí giành thắng lợi ở Việt Nam bằng quân sự của đế quốc Mỹ đã bắt đầu dao động từ trận la Đrăng.

Chiến trường Tây Nguyên là chiến trường tiêu diệt lớn quân địch từ thời chống Pháp đến thời chống Mỹ. Đúng như nhiều người đã nói: "Ai làm chủ Tây Nguyên là làm chủ cả Đông Dương".

Viên trung tá Ha-rôn Mo đã chỉ huy tiểu đoàn 1 kỵ binh bay không vận của Mỹ rất sừng sốt về thất bại của trận này. Hơn 1/4 thế kỷ qua, trong lòng ông ta vẫn canh cánh nỗi đau thua trận. Năm 1991, Ha-rôn Mo là trung tướng, phó viện trưởng Học viện quốc phóng Hoa Kỳ, trở lại Việt Nam để nghiên cứu và xin được gặp những người chỉ huy của ta trong trận này như Đại tướng Chu Huy Mân, Thượng tướng Nguyễn Hữu An, Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp.

Sau đây ghi tóm tắt cuộc đối thoại của Đại tướng Chu Huy Mân với Trung tướng Ha-rôn Mo xung quanh trận đánh này:

Ha-rôn Mo: Trận đánh thung lũng la Đrăng, ngài đã thắng chúng tôi về chiến thuật nhưng ngài đã thua về chiến lược và ý định của ngài đánh chiếm miền Trung từ Tây Nguyên-Khánh Hòa-Nha Trang-Bình Định, cắt miền Nam thành hai mảng nhưng khi quân Mỹ vào Việt Nam ngài đã bỏ cuộc.

Chu Huy Mân: Tình báo của các ngài nhiều và thạo việc nhưng đã không phát hiện kịp thời ý định của chúng tôi. Đúng là trước năm 1965, chúng tôi có ý định đó, nhưng khi quân Mỹ vào chúng tôi đã không theo đuổi ý định đó nữa.

Ha-rôn Mo: Quân của ngài đánh ở Tây Nguyên là chiến trường rừng núi, khó khăn thiếu thốn về vật chất, các ngài lấy gì ăn để hoạt động?

Chu Huy Mân: Quân đội nhân dân Việt Nam vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Chúng tôi sản xuất ra lương thực, thực phẩm để ăn nhưng một phần rất lớn là các ông đã tiếp tế cho chúng tôi.

Ha-rôn Mo: Ngài đã thắng quân Mỹ trong trận la Đrăng là vì theo tôi biết quân ngài đồng gấp 7 lần quân Mỹ. Ngài đã dùng chiến thuật "lấy thịt đè người" nên đã đánh cho quân đội Mỹ thất bại nặng.

Chu Huy Mân: Việt Nam là một nước nhỏ, yếu và nghèo. Nếu chúng tôi đánh theo ý của ngài đã suy diễn thì chúng tôi lấv đầu ra nhiều người và của để thắng quân đội